禪 詩 意 境

Thiền Thi Ý Cảnh

Trích từ : Zensoul.org
Việt dịch : Dương Đình Hỷ

Thơ Thiền Tâm Trạng

Tập II

Bài số 151 :

更	無	別	路	超	生	死
Cánh	vô	biệt	lộ	siêu	sinh	tử
前	佛	後	佛	同	一	般
Tiền	Phật	hậu	Phật	đồng	nhất	ban
舒	即	周	流	十	方	剎
Thư	tức	chu	lưu	thập	phương	sát
斂	時	還	在	一	毛	端.
Liễm	thời	hoàn	tại	nhất	mao	đoan .

龐 蘊

Bàng Uẩn

Dịch :

Cũng không đường nào thoát sống chết
Trước Phật, sau Phật chỉ một vòng
Ruỗi ra chạy tròn mười phương sát
Tựu lại chỉ là một sợi lông.

Chú thích : sát (sát na) : chỉ một thời gian rất ngắn.

Bài số 152 :

未	識	龍	宮	莫	說	珠
Vị	thức	long	cung	mạc	thuyết	châu
識	朱	言	說	與	君	殊
Thức	châu	ngôn	thuyết	dữ	quân	thù
空	拳	只	是	嬰	兒	信
Không	quyền	xích	thị	anh	nhi	tín
豈	得	將	來	誑	老	夫!
Khởi	đắc	tương	lai	cuống	lão	phù!

龐 蘊

Bàng Uẩn

Dịch :

Chưa rõ Long cung đừng nói châu
Biết rồi chẳng nói như vậy đâu
Ra tay chỉ là chuyện con nít
Là lão dối lừa ở mai sau.

Bài số 153 :

護	生	須	是	殺
Hộ	sinh	tu	thị	sát
殺	盡	始	安	居

Sát	tận	thuỷ	an	cư
會	得	個	中	意
Hội	đắc	cá	trung	ý
鐵	船	水	上	浮.
Thiết	thuyền	thuỷ	thượng	phù .

龐　蘊

Bàng Uẩn

Dịch :

Hộ sinh trong một sát
Sát hết mới được yên
Nên hiểu được ý đó
Thuyền sắt nổi lềnh bềnh.

Bài số 154 :

塵	勞	迴	脫	事	非	常
Trần	lao	quýnh	thoát	sự	phi	thường
緊	把	繩	頭	做	一	場
Khẩn	bả	thằng	đầu	tố	nhất	trường
不	是	一	番	寒	澈	骨
Bất	thị	nhất	phiên	hàn	triệt	cốt
爭	得	梅	花	撲	鼻	香?
Tranh	đắc	mai	hoa	phác	tỵ	hương?

黃　檗　溪　運

Hoàng Bích Khê Vận

Dịch :

Thoát khỏi trần lao sự phi thường
Làm một chuyện là nắm chặt thừng
Không phải một phen lạnh xương tủy
Làm sao ngửi được mùi mai hương.

Bài số 155 :

千	尺	絲	綸	直	下		
Thiên	xích	ty	luân	trực	hạ		
垂	一	波	才	動	萬	波	隨
Thuỳ	nhất	ba	tài	động	vạn	ba	tuỳ
夜	靜	水	寒	魚	不		
Dạ	tĩnh	thuỷ	hàn	ngư	bất		
食	滿	船	空	載	明	月	歸.
Thực	mãn	thuyền	không	tải	minh	nguyệt	quy .

船 子 德 成
Thuyền Tử Đức Thành

Dịch :

Ngàn thước giây tơ ném thẳng xuống
Một con sóng động, vạn sóng theo
Đêm lặng nước lạnh cá không đớp
Thuyền không chở cả ánh trăng veo.

Bài số 156 :

還	得	幽	居	愜	野	情
Hoàn	đắc	u	cư	hiệp	dã	tình

終	年	無	送	也	無	迎
Chung	niên	vô	tống	dã	vô	nghinh
有	時	直	上	孤	峰	頂
Hữu	thời	trực	thượng	cô	phong	đỉnh
月	下	披	雲	笑	一	聲.
Nguyệt	hạ	phi	vân	tiếu	nhất	thanh .

李　翺

Lý　Cao

Dịch :

Ở chốn thâm sâu hợp dã tình
Cả năm không tiễn cũng không nghinh
Có lúc trèo lên đỉnh núi lẻ
Dưới trăng mây che cười một thinh.

Bài số 157 :

空	門	不	肯	出	
Không	môn	bất	khẳng	xuất	
投	窗	也	大	癡	
Đầu	song	dã	đại	si	
百	年	鑽	故		
Bách	niên	toàn	cố		
紙	何	日	出	頭	時?
Chỉ	hà	nhật	xuất	đầu	thời ?

古　靈　神　贊

Cổ Linh Thần Tán

Dịch :

Cửa không ra chẳng chịu
Vào song thật ngu si
Trăm năm dùi giấy cũ
Ngày nào ra khỏi ni ?

Bài số 158 :

百	尺	竿	頭	不	動	人
Bách	xích	can	đầu	bất	động	nhân
雖	然	得	入	未	為	真
Tuy	nhiên	đắc	nhập	vị	vi	chân
百	尺	竿	頭	須	進	步
Bách	xích	can	đầu	tu	tiến	bộ
十	方	世	界	是	全	身.
Thập	phương	thế	giới	thị	toàn	thân.

長 沙 景 岑

Trường Sa Cảnh Sầm

Dịch :

Đầu gậy trăm xích người chẳng động
Tuy là được vào, chưa là chân
Đầu gậy trăm xích, phải bước nữa
Mười phương thế giới hiện toàn thân.

Bài số 159 :

學 道 之 人 不 識 真
Học đạo chi nhân bất thức chân
只 為 從 來 認 識 神
Xích vi tòng lai nhận thức thần
無 始 劫 來 生 死 本
Vô thuỷ kiếp lai sinh tử bổn
癡 人 喚 作 本 來 人.
Si nhân hoán tác bổn lai nhân.

長 沙 景 岑
Trường Sa Cảnh Sầm

Dịch :

Con người học Đạo chẳng biết chân
Chỉ vì đến nay nhận thức thần
Vô số kiếp qua, gốc sinh tử
Người ngu cứ gọi bản lai nhân.

Bài số 160 :

舉 手 攀 南 斗
Cử thủ phàn Nam đẩu
迴 身 倚 北 辰
Hồi thân ỷ Bắc thần
出 頭 天 外 天
Xuất đầu thiên ngoại thiên
誰 是 我 般 人?
Thuỳ thị ngã bát nhân?

五 臺 智 通

Ngũ Đài Trí Thông

Dịch :

Giơ tay nắm Nam Đẩu
Xoay mình dựa Bắc Thần
Ngoài trời ló ra khỏi
Tôi là ai, biết chăng ?

Bài số 161 :

滄	溟	幾	度	變	桑	田
Thương	minh	kỷ	độ	biến	tang	điền
唯	有	虛	空	獨	湛	然
Duy	hữu	hư	không	độc	trạm	nhiên
已	到	岸	人	休	戀	筏
Dĩ	đáo	ngạn	nhân	hưu	luyến	phiệt
未	曾	渡	者	要	須	船.
Vị	tăng	độ	giả	yếu	tu	thuyền.

龜 山 正 原

Quy Sơn Chính Nguyên

Dịch :

Ruộng dâu mấy lần biến biển lạnh
Duy có hư không trong tự nhiên
Người đã tới bờ, không bè nữa
Người chưa qua bến, nên sửa thuyền.

Bài số 162 :

人	法	雙	淨
Nhân	pháp	song	tịnh
善	惡	兩	忘
Thiện	ác	lưỡng	vong
直	心	真	實
Trực	tâm	chân	thực
菩	提	道	場.
Bồ	Đề	đạo	tràng .

牛 頭 慧 忠
Ngưu Đầu Huệ Trung

Dịch :

Người, pháp đều tịnh
Thiện, ác đều quên
Trực tâm chân thật
Bồ Đề đạo tràng.

Bài số 163 :

蓬	頭	稚	子	學	垂	綸
Bồng	đầu	trĩ	tử	học	thuỳ	luân
側	坐	莓	苔	草	映	身
Trắc	toạ	mỗi	đài	thảo	ánh	thân
路	人	借	問	遙	招	手
Lộ	nhân	tá	vấn	diêu	chiêu	thủ

恐 畏 魚 驚 不 應 人.
Khổng uý ngư kinh bất ứng nhân.

胡 釘 鉸
Hồ Đình Giảo

Dịch :

Non Bồng trẻ nhỏ, học câu cá
Cỏ chiếu thân, bên đám rêu ngồi
Người đi đường hỏi, giơ tay vẫy
Chỉ lo cá sợ không đớp mồi.

Bài số 164 :

花 開 滿 樹 紅
Hoa khai mãn thụ hồng
花 落 萬 枝 空
Hoa lạc vạn chi không
唯 餘 一 朵 在
Duy dư nhất đoá tại
明 日 定 隨 風.
Minh nhật định tuỳ phong.

知 玄 (悟 達)
Tri Huyền (Ngộ Đạt)

Dịch :

Hoa nở đầy cây hồng
Hoa rụng vạn cảnh không

Chỉ còn lại một đóa
Ngày mai theo gió tung.

Bài số 165 :

滔	滔	不	持	戒
Thao	thao	bất	trì	giới
兀	兀	不	坐	禪
Ngột	ngột	bất	toạ	thiền
嚴	茶	兩	三	碗
Nghiêm	trà	lưỡng	tam	uyển
意	在	钁	頭	邊.
Ý	tại	quắc	đầu	biên .

仰 山 慧 寂
Ngưỡng Sơn Huệ Tịch

Dịch :

Cuồn cuộn không giữ giới
Mê mệt không ngồi thiền
Uống trà, hai ba chén
Ý ở tại ruộng vườn.

Bài số 166 :

青	山	白	雲	父
Thanh	sơn	bạch	vân	phụ
白	雲	青	山	兒

Bạch vân thanh sơn nhi
白 雲 終 日 倚
Bạch vân chung nhật ỷ
青 山 總 不 知.
Thanh sơn tổng bất tri .

洞 山 良 价
Động Sơn Lương Giới

Dịch :

Núi xanh, cha mây trắng
Mây trắng, con núi xanh
Cả ngày mây trắng dựa
Núi xanh, có biết chăng ?

Bài số 167 :

也 大 奇 也 大 奇
Dã đại cơ dã đại cơ
無 情 說 法 不 思 議
Vô tình thuyết pháp bất tư nghị
若 將 耳 聽 終 難 會
Nhược tương nhĩ thính chung nan hội
眼 處 聞 聲 方 得 知.
Nhãn xứ văn thanh phương đắc tri .

洞 山 良 价
Động Sơn Lương Giới

Dịch :

Thật cũng lạ thay, thật cũng lạ
Vô tình nói pháp chẳng nghĩ suy
Nếu lấy tai nghe mà khó hiểu
Lấy mắt mà nghe mới biết gì.

Bài số 168 :

三	更	初	夜	月	明	前
Tam	canh	sơ	dạ	nguyệt	minh	tiền
莫	怪	相	逢	不	相	識
Mạc	quái	tương	phùng	bất	tương	thức
隱	隱	猶	懷	舊	日	嫌.
Ẩn	ẩn	do	hoài	cựu	nhật	hiềm .

洞 山 良 价
Động Sơn Lương Giới

Dịch :

Canh ba trong đêm trước trăng sáng
Chớ quái gặp nhau chẳng biết chi
Do nhớ những gì ngày cũ, chán.

Bài số 169 :

失	曉	老	婆	逢	古	鏡
Thất	hiểu	lão	bà	phùng	cổ	kính
分	明	睹	面	別	無	真
Phân	minh	đổ	diện	biệt	vô	chân

休 要 迷 頭 猶 認 影.
Hưu yếu mê đầu do nhận ảnh .

洞 山 良 价
Động Sơn Lương Giới

Dịch :

Bà lão chẳng rõ soi cổ kính
Rõ ràng rằng đó không là chân
Đừng có mê đầu nhận sai cảnh.

Bài số 170 :

無 中 有 路 隔 塵 埃
Vô trung hữu lộ cách trần ai
但 能 不 觸 當 今 諱
Đản năng bất xúc đương kim huý
也 勝 前 朝 斷 舌 才.
Dã thắng tiền triều đoạn thiệt Tài.

洞 山 良 价
Động Sơn Lương Giới

Dịch :

Chẳng giữa, có đường cách trần ai
Có thể không chạm ngày nay cấm
Cũng hơn triều trước, dứt khẩu tài.

Bài số 171 :

兩	刃	交	鋒	不	須	避
Lưỡng	nhẫn	giao	phong	bất	tu	tỵ
好	手	猶	如	火	裏	蓮
Hiếu	thủ	do	như	hoả	lý	liên
宛	然	自	有	沖	天	志.
Uyển	nhiên	tự	hữu	trùng	thiên	chí .

洞 山 良 价

Động Sơn Lương Giới

Dịch :

Hai dao giao tranh không thể tránh
Hảo thủ là sen trong lửa lò
Uyển nhiên tự có trời bảo mạng.

Bài số 172 :

不	落	有	無	誰	敢	和
Bất	lạc	hữu	vô	thuỳ	cảm	hoà
人	人	盡	欲	出	常	流
Nhân	nhân	tận	dục	xuất	thường	lưu
折	合	還	歸	炭	裏	坐.
Chiết	hợp	hoàn	quy	thán	lý	toạ .

洞 山 良 价

Động Sơn Lương Giới

Dịch :

Không vào có, không ai dám hòa

Mọi người hết dục thường lưu chuyển
Ngồi trong than đá, tách, hợp mà.

Bài số 173 :

嗟	見	今	時	學	道	流
Ta	kiến	kim	thời	học	đạo	lưu
千	千	萬	萬	認	們	頭
Thiên	thiên	vạn	vạn	nhận	môn	đầu
恰	似	入	京	朝	聖	主
Kháp	tự	nhập	kinh	triều	thánh	chủ
只	到	潼	關	即	便	休.
Xích	đáo	đồng	quan	tức	tiện	hưu .

洞 山 良 价
Động Sơn Lương Giới

Dịch :

Than ôi, người ngày nay học Đạo
Ngàn ngàn, vạn vạn, nhận pháp môn
Giống như vào kinh chầu thánh chúa
Chỉ đến Đồng Quan thì mới dừng.

Chú thích : Đồng Quan là cửa ải ở tỉnh Thiểm Tây.

Bài số 174 :

學	者	恆	沙	無	一	悟
Học	giả	hằng	sa	vô	nhất	ngộ

過　在　尋　他　舌　頭　路
Quá　tại　tầm　tha　thiệt　đầu　lộ
欲　得　忘　形　泯　蹤　跡
Dục　đắc　vong　hình　dẫn　tung　tích
努　力　殷　勤　空　裏　步.
Nỗ　lực　ân　cần　không　lý　bộ

洞　山　良　价
Động Sơn Lương Giới

Dịch :

Người học tuy nhiều không một ngộ
Tìm ngoài miệng thôi, đã sai lầm
Nếu muốn quên hình, tiêu vết tích
Cần nhiều nỗ lực, bước trong không.

Bài số 175 :

宇　內　為　閒　客
Vũ　nội　vi　nhàn　khách
人　中　做　野　僧
Nhân　trung　tố　dã　tăng
任　從　他　笑　我
Nhiệm　tùng　tha　tiếu　ngã
隨　處　自　騰　騰.
Tuỳ　xứ　tự　đằng　đằng .

漳　州　羅　漢

Chương Châu La Hán

Dịch :

Làm nhàn khách thiên hạ
Biển người làm dã tăng
Mặc cho người cười tớ
Tùy chỗ tự tưng bừng.

Bài số 176 :

燄	裏	寒	冰	結
Diễm	lý	hàn	băng	kết
楊	花	九	月	飛
Dương	hoa	cửu	nguyệt	phi
泥	牛	吼	水	面
Nê	ngưu	hống	thuỷ	diện
木	馬	逐	風	嘶.
Mộc	mã	trục	phong	tê .

曹 山 本 寂
Tào Sơn Bổn Tịch

Dịch :

Trong lửa băng lạnh kết
Hoa dương tháng chín bay
Trâu bùn rống mặt nước
Ngựa gỗ hí gió lay.

Bài số 176 :

莫 行 心 處 路

Mạc	hành	tâm	xứ	lộ
不	掛	本	來	衣
Bất	quải	bổn	lai	y
何	須	正	恁	麼
Hà	tu	chính	nhậm	ma
切	忌	未	生	時.
Thiết	kỵ	vị	sinh	thời .

曹 山 本 寂

Tào Sơn Bổn Tịch

Dịch :

Chớ đi đường tâm nhé
Chớ khoác áo gối mình
Làm sao tu cho chính
Kỵ lắm lúc chửa sinh.

Bài số 177 :

學	道	無	端	學	畫	龍
Học	đạo	vô	đoan	học	hoạ	long
元	來	未	得	筆	頭	蹤
Nguyên	lai	vị	đắc	bút	đầu	tung
一	朝	體	得	真	龍	後
Nhất	triêu	thể	đắc	chân	long	hậu
方	覺	從	前	枉	用	功.
Phương	giác	tòng	tiền	uổng	dụng	công.

龍 牙 居 遁
Long Nha Cư Độn

Dịch :

Học Đạo vô cớ học vẽ rồng
Nguyên lai bút chưa được hoành, tung
Một ngày vẽ được rồng đã giống
Mới biết lúc trước luống uổng công.

Bài số 178 :

木	食	草	衣	心	似	月
Mộc	thực	thảo	y	tâm	tự	nguyệt
一	生	無	念	復	無	涯
Nhất	sinh	vô	niệm	phục	vô	nhai
時	人	若	問	居	何	處
Thời	nhân	nhược	vấn	cư	hà	xứ
綠	水	青	山	是	我	家.
Lục	thuỷ	thanh	sơn	thị	ngã	gia .

龍 牙 居 遁
Long Nha Cư Độn

Dịch :

Tâm như trăng, ăn rau, áo cỏ
Một đời không niệm lại không bờ
Người đời nếu hỏi sống đâu vậy ?
Nước lục, non xanh là nhà ta.

Bài số 179 :

學 道 如 鑽 火
Học đạo như toàn hoả
逢 煙 未 可 休
Phùng yên vị khả hưu
直 得 金 星 現
Trực đắc kim tinh hiện
歸 家 始 到 頭.
Quy gia thuỷ đáo đầu .

龍 牙 居 遁
Long Nha Cư Độn

Dịch :

Học đạo như dùi lửa
Thấy khói chưa được ngừng
Khi thấy tinh lửa hiện
Về nhà mới được dừng.

Bài số 180 :

我 路 碧 空 外
Ngã lộ bích không ngoại
白 雲 無 處 閒
Bạch vân vô xứ nhàn
世 有 無 根 樹
Thế hữu vô căn thụ

黃 葉 風 送 還.
Hoàng diệp phong tống hoàn .

疏 山 光 仁
Sơ Sơn Quang Nhân

Dịch ;

Đường tôi ở ngoài không
Mây trắng không chỗ nhàn
Đời có cây không rễ
Lá vàng, gió tống hoàn.

Bài số 181 :

常 常 三 尺 餘
Thường thường tam xích dư
鬱 鬱 覆 青 草
Uất uất phúc thanh thảo
不 知 何 代 人
Bất tri hà đại nhân
得 見 此 松 老.
Đắc kiến thử tùng lão .

青 林 師 虔
Thanh Lâm Sư Kiền

Dịch :

Thường ba thước thừa ở
Cỏ xanh lại rậm rì
Người đời nào chẳng biết

Nhìn được tùng già ni.

Bài số 182 :

登	天	不	借	梯
Đãng	thiên	bất	tá	thê
遍	地	無	行	路
Biên	địa	vô	hành	lộ
包	盡	乾	坤	處
Bao	tận	càn	khôn	xứ
禪	子	火	急	悟!
Thiền	tử	hoả	cấp	ngộ !

雪 峰 義 存

Tuyết Phong Nghĩa Tồn

Dịch :

Đèn trời không mượn thang
Cõi đất không có đường
Bao quát cả trời đất
Ngộ mau hỡi người thiền.

Bài số 183 :

萬	里	無	寸	草
Vạn	lý	vô	thốn	thảo

迥	迥	覺	煙	霞
Quýnh	quýnh	giác	yên	hà
萬	劫	常	如	是
Vạn	kiếp	thường	như	thị
何	須	更	出	家?
Hà	tu	cánh	xuất	gia ?

雪 峰 義 存
Tuyết Phong Nghĩa Tồn

Dịch :

Vạn dậm không tấc cỏ
Xa xa thấy yên hà
Vạn kiếp thường vậy đó
Lý do phải xuất gia.

Chú thích : Yên hà : Khói và ráng chiều. Sương và mây đẹp là cảnh đẹp thiên nhiên. Chỉ cảnh ở ẩn.

Bài số 184 :

南	臺	靜	坐	一	爐	香
Nam	đài	tĩnh	toạ	nhất	lô	hương
終	日	凝	然	萬	慮	忘
Chung	nhật	ngưng	nhiên	vạn	lự	vong
不	是	息	心	除	妄	想
Bất	thị	tức	tâm	trừ	vọng	tưởng
都	緣	無	事	可	商	量.
Đô	duyên	vô	sự	khả	thương	lượng.

南　臺　守　安

Nam　Đài　Thủ　An

Dịch :

Tĩnh tọa Nam Đài một lò hương
Cả ngày ngưng lại vạn sự vong
Chẳng phải là tâm trừ vọng tưởng
Đều duyên vô sự nếu thương lường.

Bài số 185 :

金	屑	眼	中	翳
Kim	tiêu	nhãn	trung	ế
衣	珠	法	上	塵
Y	châu	pháp	thượng	trần
己	靈	猶	不	顧
Kỷ	linh	do	bất	cố
佛	祖	為	何	人?
Phật	tổ	vi	hà	Nhân?

雲　門　文　偃

Vân　Môn　Văn　Uyển

Dịch :

Bụi vàng trong con mắt
Áo châu trên bụi sao
Minh linh do không kể
Phật, Tổ giúp người nào ?

Bài số 186 :

雲	門	聳	峻	白	雲	低
Vân	Môn	tủng	tuấn	bạch	vân	đê
水	急	游	魚	不	敢	欺
Thuỷ	cấp	du	ngư	bất	cảm	khi
入	戶	已	知	來	見	解
Nhập	hộ	dĩ	tri	lai	kiến	giải
何	勞	再	舉	櫟	中	泥?
Hà	lao	tái	cử	lịch	trung	nê ?

雲 門 文 偃
Vân Môn Văn Uyển

Dịch :

Vân Môn cao vút, mây trắng thấp
Chẳng dám khinh nước chẩy, cá bơi
Vào cửa đã biết nhiều kiến giải
Không nề gập lịch trong bùn lầy.

Chú thích : Lịch là tên một loại cây lớn giống cây sồi (Quercus chinensis).

Bài số 187 :

也	大	差	也	大	差	
Dã	đại	soa	dã	đại	soa	
捲	起	簾	來	見	天	下
Quyền	khởi	liêm	lai	kiến	thiên	hạ
有	人	問	我	是	何	宗
Hữu	nhân	vấn	ngã	thị	hà	tông

拈 起 拂 子 劈 口 打!
Niêm khởi phất tử phách khẩu đả !

長 慶 慧 稜
Trường Khánh Huệ Lăng

Dịch :

Cũng thật là sai, càng sai quá
Cuốn cái rèm lên, thấy bầu trời
Có người hỏi tớ : tông nào đó ?
Vả vào mồm, dùng phất trần quơ.

Bài số 188 :

萬 象 之 中 獨 露 身
Vạn tượng chi trung độc lộ thân
唯 人 自 肯 乃 方 親
Duy nhân tự khẳng nãi phương thân
昔 時 謬 向 途 中 覓
Tích thời mậu hướng đồ trung mịch
今 日 看 來 火 裏 冰.
Kim nhật khán lai hoả lý băng.

長 慶 慧 稜
Trường Khánh Huệ Lăng

Dịch :

Ở trong vạn tượng, độc lộ thân
Chỉ người tự nhận là người thân

Ngày xưa lầm hướng đường tìm kiếm
Ngày nay nhìn lại trong lửa băng.

Bài số 189 :

憶	著	當	年	未	悟	時
Ức	trước	đương	niên	vị	ngộ	thời
一	聲	畫	角	一	聲	哀
Nhất	thanh	hoạ	giác	nhất	thanh	ai
如	今	枕	上	無	閒	夢
Như	kim	trẩm	thượng	vô	nhàn	mộng
大	小	梅	花	一	任	吹.
Đại	tiểu	mai	hoa	nhất	nhiệm	xuy .

孚 上 座

Phù thượng tọa

Dịch :

Nhớ lại lúc trước khi chưa ngộ
Một tiếng kêu lên một tiếng ai
Như nay trên gối không mộng hão
Hoa mai lớn nhỏ mặc thổi bay.

Bài số 190 :

直	下	猶	難	會
Trực	hạ	do	nan	hội

尋	言	轉	更	賒
Tầm	ngôn	chuyển	cánh	xa
若	論	佛	與	祖
Nhược	luận	Phật	dữ	tổ
特	地	隔	天	涯.
Đặc	địa	cách	thiên	nhai .

鼓 山 神 宴
Cổ Sơn Thần Án

Dịch :

Xuống thẳng khó mà hiểu
Tìm lời lại càng xa
Nếu bàn Phật và Tổ
Đặc biệt cách trời mà.

Bài số 191 :

清	風	樓	上	赴	官	齋
Thanh	phong	lâu	thượng	phó	quan	trai
此	日	平	生	眼	豁	開
Thử	nhật	bình	sinh	nhãn	hoát	khai
方	信	普	通	年	遠	事
Phương	tín	Phổ	Thông	niên	viễn	sự
不	從	蔥	嶺	帶	將	來.
Bất	tòng	Thông	Lãnh	đái	tương	lai .

越 山 師 鼐
Việt Sơn Sư Nãi

Dịch :

Trên lầu gió mát, độ quan trai
Bình sinh ngày nay mắt rộng khai
Mới tin năm Phổ Thông xa lắm
Không từ Thông Lãnh dẫn tương lai.

Chú thích : Năm niên hiệu Phổ Thông, Tống Vân đi xứ Tây Vực gập Đạt Ma ở núi Thông Lãnh tay cầm một chiếc giép.

Bài số 192 :

紙	裏	麻	纏	解	不	開
Chỉ	lý	ma	triền	giải	bất	khai
因	緣	時	至	出	頭	來
Nhân	duyên	thời	chí	xuất	đầu	lai
一	聲	霹	靂	驚	天	地
Nhất	thanh	phích	lịch	kinh	thiên	địa
曠	劫	無	明	當	下	灰.
Khoáng	kiếp	vô	minh	đương	hạ	hôi .

愍 生 念
Mẫn Sanh Niệm

Dịch :

Gấp lại giấy tờ mở chẳng ra
Nhân duyên đến lúc thò đầu mà
Một tiếng sấm sét kinh trời đất
Nhiều kiếp vô minh là thân a.

Bài số 193 :

赤	旃	壇	塔	六	七	級
Xích	chiên	đàn	tháp	lục	thất	cấp
白	菡	萏	花	三	四	株
Bạch	hạm	đảm	hoa	tam	tứ	chu
禪	客	相	逢	只	彈	指
Thiền	khách	tương	phùng	xích	đàn	chỉ
此	心	能	有	幾	人	知?
Thử	tâm	năng	hữu	kỷ	nhân	tri ?

貫　休

Quán　Hưu

Dịch :

Sáu, bẩy tầng tháp chiên đàn đỏ
Hoa sen mầu trắng ba, bốn cây
Thiền khách gập nhau tay chỉ vẫy
Tâm này thật có, mấy người hay.

Bài số 194 :

幻	人	興	幻	幻	輪	圍
Ảo	nhân	hưng	ảo	ảo	luân	vi
幻	業	能	招	幻	所	治
Ảo	nghiệp	năng	chiêu	ảo	sở	trị
不	了	幻	生	諸	幻	苦
Bất	liễu	ảo	sinh	chư	ảo	khổ

覺 知 如 幻 幻 無 為.
Giác tri như ảo ảo vô vi .

小 徑 上 座
Tiểu Kính thượng tọa

Dịch :

Người ảo với bánh xe huyền ảo
Nghiệp ảo vẫy gọi chuyện trị vì
Không hết sinh ảo, mọi ảo khổ
Giác tri như ảo, ảo vô vi.

Bài số 195 :

長 身 兩 腳 眠 一 寤
Trường thân lưỡng giác miên nhất ngụ
起 來 天 地 還 依 舊
Khởi lai thiên địa hoàn y cựu
門 前 綠 樹 無 啼 鳥
Môn tiền lục thụ vô đề điểu
庭 下 蒼 苔 有 落 花.
Đình hạ thương đài hữu lạc hoa .

酒 仙 遇 賢
Tửu Tiên Ngộ Hiền

Dịch :

Ruỗi thẳng hai chân mà tỉnh ngủ
Thức dậy như cũ, vẫn đất trời
Trước cửa cây xanh không chim hót

Dưới đình rêu xanh, hoa lá rơi.

Bài số 196 :

揚	子	江	頭	浪	最	深
Dương	tử	giang	đầu	lãng	tối	thâm
行	人	到	此	盡	沉	吟
Hành	nhân	đáo	thử	tận	trầm	ngâm
他	時	若	到	無	波	處
Tha	thời	nhược	đáo	vô	ba	xứ
還	似	有	波	時	用	心.
Hoàn	tự	hữu	ba	thời	dụng	tâm .

酒 仙 遇 賢
Tiểu Tiên Ngộ Hiền

Dịch :

Trên sông Dương Tử sóng to lắm
Người đi đến đó hết trầm ngâm
Nếu mà tới chỗ không có sóng
Tựa như có sóng phải dụng tâm.

Bài số 197 :

幽	鳥	與	如	篁
U	điểu	dữ	như	hoàng
柳	垂	金	線	長
Liễu	thuỳ	kim	tuyến	trường

煙 收 山 谷 靜
Yên thu sơn cốc tĩnh
風 來 杏 花 香.
Phong lai hạnh hoa hương

秦 欽 法 燈
Tần Khâm Pháp Đăng

Dịch :

Chim ẩn trong rừng trúc
Liễu rủ giây dài vàng
Khói vương hang núi tĩnh
Gió thoảng Hạnh hoa hương.

Bài số 198 :

永 日 蕭 然 坐
Vĩnh nhật tiêu nhiên toạ
澄 心 萬 慮 亡
Trừng tâm vạn lự vong
欲 言 言 不 及
Dục ngôn ngôn bất cập
林 下 好 商 量.
Lâm hạ hảo thương lượng.

秦 欽 法 燈
Tần Khâm Pháp Đăng

Dịch :

Cả ngày ngồi vắng lặng
Tâm trong vạn sự quên

Muốn nói, chẳng nói được
Trong rừng giỏi thương lường.

Bài số 199 :

學	道	如	鑽	火
Học	đạo	như	toàn	hoả
逢	煙	即	便	休
Phùng	yên	tức	tiện	hưu
莫	待	金	星	現
Mạc	đãi	kim	tinh	hiện
燒	腳	又	燒	頭.
Thiêu	giác	hựu	thiêu	đầu .

神 鼎 洪 諲
Thần Đỉnh Hồng Nhân

Dịch :

Học Đạo như dùi lửa
Thấy khói không ngừng đâu
Chớ đợi kim tinh hiện
Đốt chân, lại đốt đầu.

Bài số 200 :

得	處	不	在	高	峰
Đắc	xứ	bất	tại	cao	phong

亦 非 淺 谿 深 壑
Diệc phi thiển khê thâm hác
如 今 幸 得 扶 持
Như kim hạnh đắc phù trì
老 病 是 為 依 託.
Lão bệnh thị vi y thác .

神 鼎 洪 諲
Thần Đỉnh Hồng Nhân

Dịch :

Không phải đỉnh cao là chỗ được
Không phải suối cạn là ngòi sâu
Như nay may được sự giúp đỡ
Già, bệnh lại được dựa dẫm nhau.

Bài số 201 :

牛 頭 峰 鼎 鎖 重 雲
Ngưu đầu phong đỉnh toả trùng vân
獨 坐 寥 寥 寄 此 身
Độc toạ liêu liêu ký thử thân
百 鳥 不 來 春 又 過
Bách điểu bất lai Xuân hựu quá
不 知 誰 是 到 庵 人?
Bất tri thuỳ thị đáo am nhân?

雪 竇 重 顯

Tuyết Đậu Trùng Hiển

Dịch :

Đỉnh núi Ngưu đầu ngăn mây tụ
Ngồi riêng lòng trống gửi cái thân
Trăm chim không tới, Xuân lại tới
Chẳng biết người nào tới am thăm.

Bài số 202 :

雨	過	雲	凝	小	半	開
Vũ	quá	vân	ngưng	tiểu	bán	khai
數	峰	如	畫	碧	崔	嵬
Sác	phong	như	hoạ	bích	thôi	nguy
空	生	不	解	巖	中	坐
Không	sinh	bất	giải	nham	trung	toạ
惹	得	天	花	動	地	來.
Nhạ	đắc	thiên	hoa	động	địa	lai .

雪 竇 重 顯

Tuyết Đậu Trọng Hiển

Dịch :

Mưa qua, mây ngừng một nửa mở
Vài núi như vẽ vách thẳng, cao
Sinh lòng không hiểu, ngồi vách đá
Cầu được hoa trời động đất nao.

Bài số 203 :

芳	草	尋	幽	徑
Phương	thảo	tầm	u	kính
巖	松	迴	布	陰
Nham	tùng	hồi	bố	âm
幾	多	玄	學	客
Kỷ	đa	huyền	học	khách
失	卻	本	來	心.
Thất	khước	bổn	lai	tâm .

汾 陽 善 昭
Phần Dương Thiện Chiêu

Dịch :

Cỏ thơm tìm đường vắng
Tùng đá về bóng râm
Nhiều người khách huyền học
Mất đi bản lai thân.

Bài số 204 :

過	玄	峰	頂
Quá	huyền	phong	đỉnh
不	是	人	間
Bất	thị	nhân	gian
心	外	無	法
Tâm	ngoại	vô	pháp
滿	目	青	山.
Mãn	mục	thanh	sơn .

天 臺 德 韶

Thiên Đài Đức Thiều

Dịch :

Qua Huyền phong đỉnh
Không người nhân gian
Ngoài tâm, không pháp
Mắt đầy núi xanh.

Bài số 205 :

學	道	須	是	鐵	漢
Học	đạo	tu	thị	thiết	hán
著	手	心	頭	便	判
Trước	thủ	tâm	đầu	tiện	phán
直	趨	無	上	菩	提
Trực	xu	vô	thượng	Bồ	Đề
一	切	是	非	莫	管.
Nhất	thiết	thị	phi	mạc	quản .

李 遵 勗

Lý Tuân Húc

Dịch :

Học Đạo nên là người sắt
Ra tay xét bởi tâm đầu
Tất cả Bồ Đề vô thượng
Những chuyện thị phi quản đâu.

Bài số 206 :

真	柏	最	宜	堆	厚	雪
Chân	bách	tối	nghi	đôi	hậu	tuyết
危	花	終	怯	下	輕	霜
Nguy	hoa	chung	khiếp	hạ	khinh	sương
滔	滔	一	點	無	依	處
Thao	thao	nhất	điểm	vô	y	xứ
舉	足	方	知	盡	道	場.
Cử	túc	phương	tri	tận	đạo	trường.

永 明 延 壽
Vĩnh Minh Diên Thọ

Dịch :

Cây Bách tốt nhất dầy nhiều tuyết
Hoa bệnh chỉ sợ những màn sương
Một điểm cuồn cuộn không chỗ dựa
Giở chân mới biết hết đạo trường.

Bài số 207 :

一	缽	千	家	飯
Nhất	bát	thiên	gia	phạn
孤	身	萬	里	遊
Cô	thân	vạn	lý	du
青	目	睹	人	少
Thanh	mục	đổ	nhân	thiếu

問 路 白 雲 頭.
Vấn lộ bạch vân đầu .

布 袋 契 此
Bố Đại Tiết Thử

Dịch :

Cơm ngàn nhà, một bát
Thân lẻ vạn dậm chơi
Mắt xanh người ngộ thiếu
Hỏi đường mây trắng thôi.

Bài số 207 :

我 有 一 布 袋
Ngã hữu nhất bố đại
虛 空 無 恚 礙
Hư không vô huệ ngại
展 開 遍 十 方
Triển khai biến thập phương
入 時 觀 自 在.
Nhập thời quán tự tại .

布 袋 契 此
Bố Đại Tiết Thử

Dịch :

Tôi có một túi vải
Hư không chẳng quái ngại
Mở ra khắp mười phương

Gấp lại quán tự tại.

Bài số 208 :

撲	落	非	他	物
Bộc	lạc	phi	tha	vật
縱	橫	不	是	塵
Túng	hoành	bất	thị	trần
山	河	及	大	地
Sơn	hà	cập	đại	địa
全	露	法	王	身.
Toàn	lộ	pháp	vương	thân .

興 教 洪 壽
Hưng Giáo Huệ Thọ

Dịch :

Đánh rơi không một vật
Ngang, dọc không là trần
Sơn hà và đại địa
Toàn lộ pháp vương thân.

Bài số 209 :

一	法	元	無	萬	法	空
Nhất	pháp	nguyên	vô	vạn	pháp	không
個	中	哪	許	悟	圓	通
Cá	trung	na	hứa	ngộ	viên	thông

將 謂 少 林 消 息 斷
Tướng vị thiếu lâm tiêu tức đoạn
桃 花 依 舊 笑 春 風.
Đào hoa y cựu tiếu Xuân phong.

芙 蓉 道 楷
Phù Dung Đạo Khải

Dịch :

Một pháp vốn không, vạn pháp không
Một pháp nào hứa ngộ viên thông
Tưởng như Thiếu Lâm không tin tức
Hoa đào như cũ, cười gió Xuân.

Bài số 210 :

數 里 無 人 到
Số lý vô nhân đáo
山 黃 始 覺 秋
Sơn hoàng thuỷ giác thu
巖 開 一 夢 醒
Nham khai nhất mộng tỉnh
忘 卻 舊 時 憂.
Vong khước cựu thời ưu .

芙 蓉 道 楷
Phù Dung Đạo Khởi

Dịch :

Vài làng không người tới

Vào Thu sắc núi vàng
Đá mở giấc mơ tỉnh
Nỗi lo quá khứ quên

Bài số 211 :

旱	年	祈	得	雨
Hạn	niên	kỳ	đắc	vũ
高	山	好	種	田
Cao	sơn	hảo	chủng	điền
吃	菜	若	成	佛
Ngật	thái	nhược	thành	phật
驢	馬	也	升	天.
Lư	mã	dã	thăng	thiên .

吳 山 淨 端
Ngô Sơn Tịnh Đoan

Dịch :

Năm hạn mong mưa xuống
Cao nguyên ruộng tốt tươi
Ăn rau mà thành Phật
Lừa, ngựa cũng lên trời.

Bài số 212 :

松	竹	青	青	古	澗	深
Tùng	trúc	thanh	thanh	cổ	giản	thâm

結 茅 為 屋 號 歸 雲
Kết mao vi ốc hiệu quy vân
自 從 參 遍 官 僚 後
Tự tùng tham biên quan liêu hậu
野 老 無 心 見 貴 人.
Dã lão vô tâm kiến quý nhân.

吳 山 淨 端
Ngô Sơn Tịnh Đoan

Dịch :

Tùng trúc xanh, suối cổ sâu thẳm
Kết nhà cỏ, chim về rần rần
Sau khi tham quan hậu liêu đấy
Lão quê vô tâm, gặp quý nhân.

Bài số 213 :

嗟 見 世 間 人
Ta kiến thế gian nhân
風 義 不 長 久
Phong nghĩa bất trường cửu
唯 有 天 邊 月
Duy hữu thiên biên nguyệt
處 處 隨 我 走.
Xứ xứ tuỳ ngã tẩu.

吳 山 淨 端
Ngô Sơn Tịnh Đoan

Dịch :

Than ôi thấy người thế
Gió sẽ không kéo dài
Đường chân trời vô hạn
Nơi nơi mặc dong chơi.

Bài số 214 :

南	北	東	西	任	險	巇
Nam	Bắc	Đông	Tây	nhậm	hiểm	hi
古	嚴	寒	松	冷	依	依
Cổ	nghiêm	hàn	tùng	lãnh	y	y
無	人	到	我	經	行	地
Vô	nhân	đáo	ngã	kinh	hành	địa
明	月	清	風	付	與	誰?
Minh	nguyệt	thanh	phong	phó	dữ	thuỳ?

道　英

Đạo Anh

Dịch :

Nam, Bắc, Đông, Tây mặc hiểm ngại
Rặng thông già, lạnh rất mềm mại
Không người đến chỗ tôi kinh hành
Gió mát, trăng thanh ai người lại ?

Bài số 215 :

大	冶	洪	爐
Đại	dã	hồng	lô
烹	佛	烹	祖
Phanh	Phật	phanh	tổ
規	模	鎔	盡
Quy	mô	dung	tận
識	者	罔	指.
Thức	giả	võng	chỉ .

真 如 慕 哲
Chân Như Mộ Triết

Dịch :

Thợ rèn bên lò lửa
Nấu Phật và Tổ thôi
Nấu chẩy cho đến hết
Người biết không chỉ rồi.

Bài số 216 :

千	峰	頂	上	一	間	屋
Thiên	phong	đỉnh	thượng	nhất	gian	ốc
老	僧	半	間	雲	半	間
Lão	tăng	bán	gian	vân	bán	gian
昨	夜	雲	隨	風	雨	去
Tạc	dạ	vân	tuỳ	phong	vũ	khứ

到 頭 不 似 老 僧 閒.
Đáo đầu bất tự lão tăng nhàn .

志 芝 庵 主
Chí Chi am chủ

Dịch :

Trên đỉnh núi cao gian nhà nhỏ
Nửa phòng mây chiếm nửa phòng không
Mưa đêm đã cuốn đi mây gió
Cuối cùng còn lại lão tăng nhàn.

Bài số 217 :

聲 聲 解 到 不 如 歸
Thanh thanh giải đáo bất như quy
往 往 人 心 會 者 稀
Vãng vãng nhân tâm hội giả hy
滿 目 春 山 春 水 綠
Mãn mục xuân sơn xuân thuỷ lục
更 求 何 地 可 忘 機.
Cánh cầu hà địa khả vong ky .

白 雲 守 端
Bạch Vân Thủ Đoan

Dịch :

Chẳng bằng quay về khi giải thích
Thường người giải thích hiếm quá đi
Đầy mắt non Xuân và nước lục

Lại cầu chỗ nào quên được gì.

Bài số 218 :

三	十	年	來	住	此	山
Tam	thập	niên	lai	trú	thử	sơn
郡	符	何	事	到	林	間
Quận	phù	hà	sự	đáo	Lâm	gian
休	將	瑣	瑣	塵	寰	事
Hưu	tướng	toả	toả	trần	hoàn	sự
換	我	一	生	閒	又	閒.
Hoán	ngã	nhất	sinh	nhàn	hựu	nhàn.

天 臺 如 庵 主
Thiên Đài Như am chủ

Dịch :

Sống nơi núi này ba mươi năm
Chuyện gì xẩy ra với Lâm gian
Thôi đừng nói chuyện người đời nữa
Đổi được cuộc đời, tôi muốn nhàn.

Bài số 219 :

貧	家	無	所	有
Bần	gia	vô	sở	hữu
只	養	一	隻	狗
Xích	dưỡng	nhất	chích	cẩu

便	是	佛	出	來
Tiện	thị	Phật	xuất	lai
也	須	遭	一	口.
Dã	tu	tao	nhất	khẩu.

顏　丙

Nhan Bính

Dịch :

Nhà nghèo không gì cả
Chỉ nuôi chó một con
Là vị Phật tới đó
Cũng tu hết cả lòng.

Bài số 220 :

一	燈	在	望
Nhất	đăng	tại	vọng
更	無	言	說
Cánh	vô	ngôn	thuyết
大	地	平	沉
Đại	địa	bỉnh	trầm
虛	空	迸	裂.
Hư	không	bỉnh	liệt .

龍　濟　宗　鋈

Long Tế Tông Mâu

Dịch :

Một đèn nhìn ngắm
Không nói nên lời
Đại địa chìm nghỉm
Hư không rụng rơi.

Bài số 221 :

未 動 舌 頭 文 采 露
Vị động thiệt đầu văn thái lộ
五 千 餘 卷 一 時 周
Ngũ thiên dư quyển nhất thời chu
若 言 待 月 重 開 卷
Nhược ngôn đãi nguyệt trùng khai quyển
敢 保 驢 年 未 徹 頭.
Cảm bảo lư niên vị triệt đầu .

石 霜 妙 印
Thạch Sương Diệu Ấn

Dịch :

Chưa mở miệng ra, tánh đã lộ
Dư năm ngàn quyển đã đọc xong
Nếu đợi thời gian sẽ mở sách
Dám bảo năm lừa cũng chửa xong.

Bài số 222 :

大 道 無 門
Đại đạo vô môn

千 差 有 路
Thiên sai hữu lộ
透 得 此 關
Thấu đắc thử quan
乾 坤 獨 步.
Càn khôn độc bộ .

無 門 慧 開
Vô Môn Huệ Khai

Dịch :

Đạo lớn không cửa
Ngàn sai có đường
Cửa này qua khỏi
Riêng đi Càn khôn.

Bài số 223 :

了 身 何 似 了 心 休
Liễu thân hà tự liễu tâm hưu
了 得 心 兮 身 不 愁
Liễu đắc tâm hề thân bất sầu
若 也 身 心 俱 了 了
Nhược dã thân tâm câu liễu liễu
神 仙 何 必 更 封 侯!
Thần tiên hà tất cánh phong hầu.

無 門 慧 開

Vô Môn Huệ Khai

Dịch :

Xong thân có giống xong tâm đâu
Xong được tâm rồi thân không sầu
Nếu thân và tâm đều xong cả
Hà tất thần tiên phải phong hầu.

Bài số 224 :

急	流	垂	釣
Cấp	lưu	thuỳ	điếu
食	餌	者	眾
Tự	nhĩ	giả	chúng
口	縫	才	開
Khẩu	phùng	thủ	khai
性	命	喪	卻.
Tính	mệnh	tang	khước.

無 門 慧 開

Vô Môn Huệ Khai

Dịch :

Thả câu nước chẩy
Nhiều cá đớp mồi
Miệng gập liền há
Tánh mạng chết rồi.

Bài số 225 :

未 舉 步 時 先 已 到
Vị cử bộ thời tiên dĩ đáo
未 動 舌 時 先 說 了
Vị động thiệt thời tiên thuyết liễu
直 繞 著 著 在 機 先
Trực nhiễu trước trước tại cơ tiên
更 須 知 有 向 上 竅.
Cánh tu tri hữu hướng thượng khiếu.

無 門 慧 開
Vô Môn Huệ Khai

Dịch :

Chửa giơ chân bước mà đã đến
Lưỡi chưa động, lời đã nói xong
Nhiễu thẳng rõ rệt xẩy ra trước
Liền biết ngay là hướng huyệt trên.

Bài số 226 :

一 種 靈 跟 傍 時 栽
Nhất chúng linh cân bàng thời tài
開 花 結 子 絕 安 排
Khai hoa kết tử tuyệt an bài
珠 璣 滿 腹 無 人 知
Châu cơ mãn phúc vô nhân tri
直 待 通 紅 口 自 開.

Trực đãi thông hồng khẩu tự khai .

古 源 源 道

Cổ Nguyên Nguyên Đạo

Dịch :

Một loại rễ linh, ngoài trồng trọt
Nở hoa, kết quả, tuyệt an bài
Châu báu đầy bụng, không người biết
Chờ đợi khi thông, miệng tự khai.

Bài số 227 :

午	窗	定	起	晝	沉	沉
Ngọ	song	định	khởi	trú	trầm	trầm
觸	目	虛	擬	一	片	心
Xúc	mục	hư	nghĩ	nhất	phiến	tâm
好	鳥	關	關	知	我	意
Hảo	điểu	quan	quan	tri	ngã	ý
盡	情	啼	破	綠	楊	陰.
Tận	tình	đề	phá	lục	dương	âm .

大 歇 仲 謙

Đại Hiệt Trọng Khiêm

Dịch :

Buổi trưa mở cửa ngày ảm đạm
Mắt chạm hư không, một phiến không
Chim hót quang quác biết ý tớ

Tận tình hót phá bóng dương râm.

Bài số 228 :

人	傳	師	死	已	多	時
Nhân	truyền	sư	tử	dĩ	đa	thời
我	獨	躊	躇	未	決	疑
Ngã	độc	trù	trừ	vị	quyết	nghi
既	是	巢	空	雲	又	散
Ký	thị	sào	không	vân	hựu	tá
春	深	猶	有	子	規	啼.
Xuân	thâm	do	hữu	tử	quy	đề .

萬 壽 辯

Vạn Thọ Biên

Dịch :

Người truyền thầy chết đã nhiều khi
Riêng tôi trù trừ chưa quyết nghi
Đã tổ không rồi, mây lại tản
Xuân thâm do có con chim bi.

Bài số 229 :

月	在	水	中	撈	不	上
Nguyệt	tại	thuỷ	trung	lao	bất	thượng
徒	勞	戳	碎	水	中	天
Đồ	lao	trạc	toái	thuỷ	trung	thiên

夜 深 山 寺 開 門 睡
Dạ thâm sơn tự khai môn thuỵ
月 自 飛 來 到 面 前.
Nguyệt tự phi lai đáo diện tiền .

橫 川 如 珙
Hoành Xuyên Như Củng

Dịch :

Bóng trăng soi nước, mò không tới
Không nhọc phá vỡ bóng bầu trời
Đêm sân chùa núi, mở cửa, ngủ
Trăng tự đi đến, trước mặt rồi.

Bài số 230 :

最 難 知 是 結 交 心
Tối nan tri thị kết giao tâm
鐵 壁 銀 山 百 萬 尋
Thiết bích ngân sơn bách vạn tầm
生 死 兩 歧 俱 識 破
Sinh tử lưỡng kỳ câu thức phá
石 頭 大 小 盡 黃 金.
Thạch đầu đại tiểu tận hoàng kim.

楚 石 梵 琦
Sở Thạch Phạm Cơ

Dịch :

Khó nhất là biết kết giao tâm

Vách sắt, núi bạc trăm vạn tầm
Sống, chết hai cành đều phá nát
Gạch, đá to, nhỏ cũng hoàng kim.

Bài số 231 :

用	巧	人	多	用	拙	稀
Dụng	xảo	nhân	đa	dụng	chuyết	hy
心	如	木	石	太	無	知
Tâm	như	mộc	thạch	thái	vô	tri
就	中	自	有	分	明	處
Tựu	trung	tự	hữu	phân	minh	xứ
懵	懂	原	來	不	是	痴.
Mộng	đổng	nguyên	lai	bất	thị	si .

楚 石 梵 琦
Sở Thạch Phạm Cơ

Dịch :

Dùng nhiều người khéo, người vụng ít
Tâm như gỗ, đá rất không hay
Là bên trong tự có chỗ phân biệt
Mộng rõ nguyên lai không là ngây.

Bài số 232 :

有	行	有	相	落	凡	塵
Hữu	hành	hữu	tướng	lạc	phàm	trần
無	相	無	形	未	是	真

Vô tướng vô hình vị thị chân
不 在 範 圍 天 地 內
Bất tại phạm vi thiên địa nội
數 聲 清 磬 一 閒 人.
Sổ thanh thanh khánh nhất nhàn nhân.

楚 石 梵 琦
Sơ Thạch Phạm Cơ

Dịch :

Có hành, có tướng là phàm trần
Không tướng, không hình chưa là chân
Không phải trong vòng trời và đất
Vài tiếng khánh đánh của người nhàn.

Bài số 233 :

一 路 通 時 路 路 通
Nhất lộ thông thời lộ lộ thông
誰 分 南 北 與 西 東
Thuỳ phân Nam Bắc dữ Tây Đông
春 風 不 管 鄉 談 別
Xuân phong bất quản hương đàm biệt
到 處 桃 花 似 舊 紅.
Đáo xứ đào hoa tự cựu hồng .

楚 石 梵 琦
Sơ Thạch Phạm Cơ

Dịch ;

Một đường thông thì mọi đường thông
Ai phân Nam Bắc với Tây Đông
Gió Xuân nào quản làng quê khác
Tới nơi, hoa đào vẫn cứ hồng.

Bài số 234 :

山	水	隨	緣	好
Sơn	thuỷ	tuỳ	duyên	hảo
乾	坤	日	夕	寬
Càn	khôn	nhật	tịch	khoan
偶	然	成	一	偈
Ngẫu	nhiên	thành	nhất	kệ
萬	事	不	相	干.
Vạn	sự	bất	tương	can .

楚 石 梵 琦
Sơ Thạch Phạm Cơ

Dịch :

Sông, núi tùy duyên đẹp
Trời, đất ngày đêm dài
Bỗng nhiên thành một kệ
Vạn sự chẳng đoái hoài.

Bài số 235 :

自 家 冷 暖 自 家 知

Tự	gia	lãnh	noãn	tự	gia	tri
祖	意	西	來	更	問	誰
Tổ	ý	Tây	lai	cánh	vấn	thuỳ
全	體	承	當	全	體	是
Toàn	thể	thừa	đương	toàn	thể	thị
須	彌	頂	上	戴	須	彌.
Tu	Di	đỉnh	thượng	đái	Tu	Di .

石 溪 心 月

Thạch Khê Tâm Nguyệt

Dịch :

Nhà mình nóng, lạnh tự mình biết
Ý tổ Tây sang hỏi ai gì
Toàn thể đương là, toàn thể có
Đỉnh núi Tu Di mang Tu Di.

Bài số 236 :

咫	尺	曹	源	有	路	通
Chỉ	xích	Tào	Nguyên	hữu	lộ	thông
游	魚	何	事	自	迷	蹤
Du	ngư	hà	sự	tự	mê	tung
有	聲	為	到	不	平	處
Hữu	thanh	vi	đáo	bất	bình	xứ
一	點	塵	泥	斷	不	容.
Nhất	điểm	trần	nê	đoạn	bất	dung.

石　溪　心　月

Thạch Khê Tâm Nguyệt

Dịch :

Thước tấc Tào Nguyên có đường thông
Cá bơi vì đâu lạc mất đường
Có động là tới nơi khúc khuỷu
Một chút bùn thôi, cũng chẳng dung.

Bài số 237 :

少	室	門	庭	冷	似	冰
Thiếu	thất	môn	đình	lãnh	tự	băng
可	師	曾	此	一	沉	吟
Khả	sư	tăng	thử	nhất	trầm	ngâm
頁	欄	各	自	知	寒	冷
Hiệt	lan	các	tự	tri	hàn	lãnh
莫	待	齊	腰	三	尺	深.
Mạc	đãi	tề	yêu	tam	xích	thâm.

石　溪　心　月

Thạch Khê Tâm Nguyệt

Dịch ;

Cửa vào Thiền Thất lạnh như băng
Khiến cho sư tăng phải trầm ngâm
Đầu Lan các, tự thấy lạnh lẽo
Chẳng đợi tề yêu, ba thước thâm.

Chú thích : Tề yêu = ngang lưng. Thí dụ :河水齊腰深 (hà thủy tề yêu thâm) Nước sông sâu ngang lưng.

Bài số 238 :

苔	蘚	連	崖	碧
Đài	tiển	liên	nhai	bích
幽	蘭	滿	澗	香
U	lan	mãn	giản	hương
雲	生	山	下	路
Vân	sanh	sơn	hạ	lộ
坐	享	一	身	涼.
Toạ	hưởng	nhất	thân	lương.

宗 瑩
Tông Oánh

Dịch :

Rêu phủ kín vách đá
Đầy suối mùi hương lan
Đường xuống núi mây phủ
Ngồi cho mát cái thân.

Bài số 239 :

從	來	佛	祖	碎	玄	關
Tòng	lai	Phật	tổ	toái	huyền	quan

萬 論 千 經 下 口 難
Vạn luận thiên kinh hạ khẩu nan
未 動 舌 頭 俱 吐 露
Vị động thiệt đầu câu thổ lộ
白 蓮 峰 月 照 人 寒.
Bạch liên phong nguyệt chiếu nhân hàn .

楚 石 梵 琦
Sơ Thạch Phạm Cơ

Dịch :

Tới nay Phật tổ phá huyền quan
Luận bàn ngàn kinh miệng gian nan
Lưỡi chưa đả động đã thổ lộ
Trăng núi Bạch Liên chiếu lạnh tanh.

Chú thích :

Huyền quan = Nhà Phật gọi cái cửa do đấy tu vào là huyền quan 玄關.

Bài số 240 :

半 啟 柴 扉 曉
Bán khải sài phi hiểu
東 風 昨 夜 狂
Đông phong tạc dạ cuồng
樹 頭 花 落 盡
Thụ đầu hoa lạc tận
滿 地 白 雲 香.

Mãn địa bạch vân hương.

釋 英

Thích Anh

Dịch :

Cửa gỗ mở nửa, sáng
Gió Đông, đêm qua cuồng
Đầu cây hoa rụng hết
Đầy đất Bạch Vân hương.

Bài số 241 :

六	月	山	深	處
Lục	nguyệt	sơn	thâm	xứ
松	風	冷	襲	依
Tùng	phong	lãnh	tập	y
遙	知	城	市	裏
Dao	tri	thành	thị	lý
撲	面	火	塵	飛.
Bộc	diện	hoả	trần	phi .

釋 英

Thích Anh

Dịch :

Tháng sáu núi sâu thẳm
Gió tùng lạnh áo rồi
Xa biết trong thành thị

Đập mặt bụi lửa bay.

Bài số 242 :

正	月	梅	花	落
Chánh	nguyệt	mai	hoa	lạc
二	月	桃	花	紅
Nhị	nguyệt	đào	hoa	hồng
榮	枯	元	有	數
Vinh	khô	nguyên	hữu	sổ
不	必	怨	春	風.
Bất	tất	oán	xuân	phong.

釋　英

Thích Anh

Dịch :

Tháng giêng, hoa mai nở
Tháng hai, hoa đào hồng
Khô, tươi vốn có số
Bất tất oán gió Xuân.

Bài số 243 :

之	子	兩	峰	來
Chi	tử	lưỡng	phong	lai
問	我	西	祖	意
Vấn	ngã	Tây	tổ	ý

欲 答 還 無 言
Dục đáp hoàn vô ngôn
風 吹 花 落 地.
Phong xuy hoa lạc địa .

釋 英
Thích Anh

Dịch :

Nhiều người hai núi tới
Hỏi tôi ý Tây lai
Muốn đáp, không lời nói
Gió thổi hoa rụng rơi.

Chú thích :
Ý Tây lai : Đạt Ma tổ sư từ Ấn Độ qua Trung Hoa là có ý gì ?

Bài số 244 :

芳 塘 雨 霽 綠 初 肥
Phương đường vũ tế lục sơ phì
折 得 青 條 串 露 歸
Chiết đắc thanh điều xuyết lộ quy
一 樹 殘 花 喧 鬥 雀
Nhất thụ tàn hoa huyên đấu tước
紅 香 滿 徑 撲 人 飛.
Hồng hương mãn kính bộc nhân phi .

圓 至

Viên Chí

Dịch :

Đê thơm, mưa lạnh, xanh mươn mướt
Trên đường về, bẻ nhánh cây tươi
Một cây hoa tàn, lưu sẻ đấu
Đầy đường hoa đỏ, rụng mặt người.

Bài số 245 :

開	門	匝	地	花
Khai	môn	tạp	địa	hoa
疑	是	天	女	散
Nghi	thị	thiên	nữ	tản
不	若	草	茵	香
Bất	nhược	thảo	nhân	hương
方	知	霜	雪	漫.
Phương	tri	sương	tuyết	mạn .

圓 至

Viên Chí

Dịch :

Mở cửa hoa đầy đất
Nghi rắc là gái trời
Không phải nhờ nệm cỏ
Mới hay tuyết mọi nơi.

Bài số 246 :

壁	黏	祖	偈	風	吹	落
Bích	niêm	tổ	kệ	phong	xuy	lạc
簷	掛	蛛	絲	雨	打	開
Thiềm	quải	thù	ty	vũ	đả	khai
滿	徑	綠	蔭	花	落	盡
Mãn	kính	lục	âm	hoa	lạc	tận
門	前	百	鳥	不	曾	來.
Môn	tiền	bách	điểu	bất	tằng	lai .

南 石 文 琇
Nam Thạch Văn Tú

Dịch ;

Vách dán kệ Tổ, gió thổi rụng
Rường treo tơ nhện, mưa mở ra
Đầy đường xanh lục, hoa rụng hết
Trước cửa trăm chim chẳng từng qua.

Bài số 247 :

千	金	難	買	一	身	閒
Thiên	kim	nan	mãi	nhất	thân	nhàn
誰	肯	將	身	入	鬧	籃
Thuỳ	khẳng	tương	thân	nhập	náo	lam
寄	語	滿	城	諸	宰	官
Ký	ngữ	mãn	thành	chư	tể	quan
鐵	枷	自	有	愛	人	擔.

Thiết giá tự hữu ái nhân đam.

中 峰 明 本

Trung Phong Minh Bản

Dịch :

Ngàn vàng khó mua một thân nhàn
Vào cổ rối loạn, ai đem thân
Gởi lời khắp thành các quan chức
Cùm sắt tự có người thích mang.

Bài số 248 :

無 端 知 妙 諦
Vô đoan tri diệu đế
有 識 是 塵 心
Hữu thức thị trần tâm
欲 洗 塵 心 淨
Dục tẩy trần tâm tịnh
尋 山 莫 畏 深.
Tầm sơn mạc uý thâm .

中 峰 明 本

Trung Phong Minh Bản

Dịch :

Vô duyên biết diệu đế
Có biết là trầm luân
Muốn rửa cho tâm lặng
Núi sâu đâu sợ tầm.

Bài số 249 :

人	生	猶	如	幻	中	幻
Nhân	sinh	do	như	ảo	trung	ảo
塵	世	相	逢	誰	是	誰
Trần	thế	tương	phùng	thuỳ	thị	thuỳ
父	母	未	生	誰	是	我
Phụ	mẫu	vị	sinh	thuỳ	thị	ngã
一	息	不	來	我	是	誰.
Nhất	tức	bất	lai	ngã	thị	thuỳ .

中 峰 明 本

Trung Phong Minh Bản

Dịch :

Đời người như là trong giấc mộng
Cõi đời gặp gỡ ai là ai
Cha mẹ chưa sinh, ai là tớ
Đến khi tắt thở, tớ là ai ?

Bài số 250 :

濁	水	盡	清	珠	有	力
Trọc	thuỷ	tận	thanh	châu	hữu	lực
亂	心	不	動	佛	無	虧
Loạn	tâm	bất	động	Phật	vô	khuy
眼	前	盡	是	家	鄉	路
Nhãn	tiền	tận	thị	gia	hương	lộ

不 用 逢 人 覓 指 歸.
Bất dụng phùng nhân mịch chỉ quy .

中 峰 明 本
Trung Phong Minh Bản

Dịch :

Nước đục lắng, châu xanh mới hiện
Tâm không loạn động, Phật đầy đường
Trước mắt toàn lối về nhà cả
Chẳng cần hỏi người mới biết đường.

Bài số 251 :

黃 葉 任 從 流 水 去
Hoàng diệp nhậm tòng lưu thuỷ khứ
白 雲 曾 便 入 山 來
Bạch vân tăng tiện nhập sơn lai
寥 寥 巖 畔 三 間 屋
Liêu liêu nham bạn tam gian ốc
兩 片 柴 門 竟 日 開.
Lưỡng phiến sài môn cánh nhật khai .

石 屋 清 珙
Thạch Ốc Thanh Củng

Dịch :

Lá vàng mặc theo dòng nước chẩy
Tăng Bạch Vân cứ vào núi non
Trống trải bạn cùng ba gian đá
Hai cánh cửa gỗ ngày mở toang.

Bài số 252 :

半	窗	松	影	半	窗	月
Bán	song	tùng	ảnh	bán	song	nguyệt
一	個	蒲	團	一	個	僧
Nhất	cá	bồ	đoàn	nhất	cá	tăng
盤	膝	坐	來	中	夜	後
Bàn	tất	toạ	lai	trung	dạ	hậu
飛	蛾	撲	滅	佛	前	燈.
Phi	nga	bộc	diệt	Phật	tiền	đăng .

石 屋 清 珙

Thạch Ốc Thanh Củng

Dịch :

Nửa cửa bóng tùng, nửa bóng nguyệt
Một chiếc Bồ Đoàn, một ông tăng
Ngồi kiết già trong đêm tăm tối
Ngài bay bị diệt, Phật trước đèn.

Bài số 253 :

過	了	事	已	過	去	了
Quá	liễu	sự	dĩ	quá	khứ	liễu
未	來	不	必	預	思	量
Vị	lai	bất	tất	dự	tư	lương
只	今	便	道	只	今	句
Chỉ	kim	tiện	đạo	chỉ	kim	cú

梅 子 熟 時 梔 子 香.
Mai tử thục thời chi tử hương.

石 屋 清 珙
Thạch Ốc Thanh Củng

Dịch :

Chuyện quá khứ đã là quá khứ
Chuyện tương lai hà tất tư lường
Chuyện Đạo ngày nay, lời nay nhỉ
Mai đã chín rồi, chi tử hương.

Chú thích : Chi tử = Cây dành dành, hột nó là chi tử 梔子 dùng để nhuộm và làm thuốc, có khi gọi là sơn chi 山梔.

Bài số 254 :

大 地 山 河 一 片 雪
Đại địa sơn hà nhất phiến tuyết
太 陽 一 照 便 無 蹤
Thái dương nhất chiếu tiện vô tung
自 此 不 疑 諸 佛 祖
Tự thử bất nghi chư Phật tổ
更 無 南 北 與 西 東.
Cánh vô Nam Bắc dữ Tây Đông.

斷 巖 了 義

Đoạn Nham Liễu Nghĩa

Dịch :

Đại địa, sơn hà đầy những tuyết
Mặt trời soi chiếu, liền vô tung
Từ đó chẳng nghi Phật với Tổ
Cũng không Nam, Bắc và Tây, Đông.

Bài số 255 :

飛	騰	活	計	遍	天	涯
Phi	đằng	hoạt	kế	biến	thiên	nhai
霧	照	雲	迷	路	不	差
Vụ	chiếu	vân	mê	lộ	bất	sai
自	己	屋	頭	明	白	了
Tự	kỷ	ốc	đầu	minh	bạch	liễu
這	回	不	落	別	人	家.
Giá	hồi	bất	lạc	biệt	nhân	gia .

斷 巖 了 義

Đoạn Nham Liễu Nghĩa

Dịch :

Bay cao, kế giỏi khắp chân trời
Sương ánh, mây mờ, đường chẳng sai
Nhà mình, mình biết rất rành rẽ
Lúc này sẽ không lạc nhà ai.

Bài số 256 :

閒 居 無 事 可 評 論
Nhàn cư vô sự khả bình luận
一 炷 清 香 自 得 閒
Nhất chú thanh hương tự đắc nhàn
睡 起 有 茶 飢 有 飯
Thuỵ khởi hữu trà cơ hữu phạn
行 看 流 水 坐 看 雲.
Hành khán lưu thuỷ toạ khán vân .

了 庵 清 欲
Liễu Am Thanh Dục

Dịch :

Sống nhàn không chuyện để bình luận
Thắp nén nhang thơm tự được nhàn
Uống trà khi tỉnh, ăn khi đói
Đi, coi nước chẩy, ngồi, mây vờn.

Bài số 257 :

春 雨 春 山 箏 蕨 肥
Xuân vũ Xuân sơn tranh quyết phì
不 知 塵 世 有 危 機
Bất tri trần thế hữu nguy cơ
何 當 借 與 安 禪 石
Hà đương tá dữ an thiền thạch
同 看 孤 雲 自 在 飛.
Đồng khán cô vân tự tại phi .

了 庵 清 欲
Liễu Am Thanh Dục

Dịch :

Mưa Xuân, núi Xuân nuôi quyết mập
Không biết trần thế có cơ nguy
Sao lại ngồi thiền trên tảng đá
Cùng xem mây lẻ, tự tại bay.

Chú thích : Quyết = Tên một loài cây, thuộc họ Dương xỉ, thân mọc ngang dưới đất, mùa xuân ra mầm non, hình như nắm tay, cả cây có lông tơ, lá non ăn được, rễ và thân dùng làm thuốc giải nhiệt, lợi tiểu tiện.

Bài số 258 :

閒	到	心	閒	始	是	閒
Nhàn	đáo	tâm	nhàn	thuỷ	thị	nhàn
心	閒	方	可	話	居	山
Tâm	nhàn	phương	khả	thoại	cư	sơn
山	中	賸	有	閒	生	活
Sơn	trung	thắng	hữu	nhàn	sinh	hoạt
心	不	閒	時	居	更	難.
Tâm	bất	nhàn	thời	cư	cánh	nan .

恕 中 無 慍
Thứ Trung Vô Uẩn

Dịch :

Nhàn đến, tâm nhàn mới là nhàn
Tâm nhàn mới nói là ở non
Ở non, mới có nhàn cơ chứ

Tâm chẳng nhàn thì ở khó khăn.

Bài số 259 :

行	腳	見	人	須	帶	眼
Hành	giác	kiến	nhân	tu	đái	nhãn
著	衣	吃	飯	要	知	時
Trước	ý	ngật	phạn	yêu	tri	thời
百	年	壽	命	一	彈	指
Bách	niên	thọ	mệnh	nhất	đàn	chỉ
急	下	工	夫	也	是	遲.
Cấp	hạ	công	phu	dã	thị	trì .

恕	中	無	慍
Thứ	Trung	Vô	Uẩn

Dịch :

Hành cước khiến người phải mở mắt
Mặc áo, ăn cơm phải đúng thì
Tuổi thọ trăm năm, ngón tay khẩy
Công phu mau mắn, cũng chậm rì.

Bài số 260 :

時	時	睹	面	不	相	逢
Thời	thời	đổ	diện	bất	tương	phùng
吃	盡	娘	生	氣	力	窮
Ngật	tận	nương	sanh	khí	lực	cùng

夜 半 忽 然 望 月 指
Dạ bán hốt nhiên vọng nguyệt chỉ
虛 空 迸 出 日 輪 紅.
Hư không bính xuất nhật luân hồng.

烏 石 世 愚
Ô Thạch Thế Ngu

Dịch :

Nhiều lúc thấy mặt, mà chẳng gập
Ăn hết mẹ sinh, khí lực cùng
Nửa đêm, bỗng nhiên ngắm nguyệt chỉ
Hư không, tung tóe mặt trời hồng.

Chú thích : Ngắm nguyệt chỉ = ngắm trăng theo hướng tay chỉ.

Bài số 261 :

銅 唇 鐵 舌 太 尖 新
Đồng thần thiết thiệt thái tiêm tân
樓 角 懸 來 不 記 春
Lâu giốc huyền lai bất ký Xuân
言 外 百 千 三 昧 法
Ngôn ngoại bách thiên tam muội pháp
因 風 說 雨 個 中 人.
Nhân phong thuyết vũ cá trung nhân.

竹 林 海
Trúc Lâm Hải

Dịch :

Môi đồng, lưỡi sắt rất là sắc
Treo ở góc lầu chẳng nhớ Xuân
Ngoài lời trăm, ngàn pháp tam muội
Do gió gọi mưa, người nói năng.

Chú thích : Tam muội 三昧 dịch âm chữ Phạn, Tàu dịch là chính định 正定 nghĩa là dùng công tu hành trừ sạch được hết trần duyên mà vào cõi một mầu rỗng không vắng lặng gọi là tam muội

Bài số 262 :

紙	上	傳	來	說	得	親
Chỉ	thượng	truyền	lai	thuyết	đắc	thân
翻	腔	易	調	轉	尖	新
Phiên	khang	dịch	điệu	chuyển	tiêm	tân
是	人	愛	聽	人	言	語
Thị	nhân	ái	thính	nhân	ngôn	ngữ
言	語	從	來	賺	殺	人.
Ngôn	ngữ	tòng	lai	trám	sát	nhân.

天 如 惟 則
Thiên Như Duy Tắc

Dịch :

Nói là thân, trên giấy truyền lại
Sắc và muối, khúc điệu đổi thay
Là người thích nghe lời người nói
Ngôn ngữ xưa nay lừa giết người.

Bài số 263 :

氣	宇	衝	霄	大	丈	夫
Khí	vũ	xung	tiêu	đại	trượng	phu
尋	常	溝	瀆	豈	能	拘
Tầm	thường	câu	độc	khởi	năng	câu
手	提	三	尺	吹	毛	劍
Thủ	đề	tam	xích	xuy	mao	kiếm
直	取	驪	龍	頷	下	珠.
Trực	thủ	ly	long	hàm	hạ	châu.

月 泉 同 新

Nguyệt Tuyền Đồng Tân

Dịch :

Khí trời xung diệt trượng phu lớn
Khó mà ngăn rãnh nước tầm thường
Giơ kiếm thổi lông, dài ba thước
Giành được hạt châu của Ly, Long.

Bài số 264 :

三	月	韶	光	沒	處	收
Tam	nguyệt	thiều	quang	một	xứ	thu
一	時	散	在	柳	梢	頭
Nhất	thời	tán	tại	liễu	sao	đầu
可	憐	不	見	春	風	面
Khả	lân	bất	kiến	Xuân	phong	diện

卻	看	殘	紅	逐	水	流.
Khước	khán	tàn	hồng	trục	thuỷ	lưu .

止 翁
Chỉ Ông

Dịch :

Ánh đẹp tháng ba không chỗ tản
Ở nơi đầu ngọn cây liễu, tan
Đáng tiếc không thấy gió Xuân thật
Thấy hồng tàn theo nước tràn lan.

Bài số 265 :

道	人	無	事	發	狂	心
Đạo	nhân	vô	sự	phát	cuồng	tâm
涉	水	登	山	海	外	尋
Thiệp	thuỷ	đăng	sơn	hải	ngoại	tầm
一	拜	起	來	還	一	拜
Nhất	bái	khởi	lai	hoàn	nhất	bái
不	知	屋	裏	有	觀	音.
Bất	tri	ốc	lý	hữu	Quán	Âm .

虛 白 慧 山
Hư Nhật Huệ Sơn

Dịch :

Người Đạo không chuyện, phát cuồng tâm
Vượt sông, lên núi, ngoài bể tầm
Lạy xong một lạy, rồi lại lạy

Không biết trong nhà, có Quan Âm.

Bài số 266 :

如	此	而	來
Như	thử	nhi	lai
如	此	而	去
Như	thử	nhi	khứ
卻	叩	真	乘
Khước	khấu	chân	thừa
如	此	而	已.
Như	thử	nhi	dĩ .

正 法 雪 光
Chính Pháp Tuyết Quang

Dịch :

Như vậy, mà đến
Như vậy, mà đi
Không gõ thừa thật
Như vậy đó chi.

Bài số 267 :

七	十	六	年
Thất	thập	lục	niên
萍	蹤	何	寄
Bình	tung	hà	ký

本 無 去 來
Bản vô khứ lai
應 緣 而 已.
Ưng duyên nhi dĩ .

萬 松 慧 林
Vạn Tùng Huệ Lâm

Dịch :

Năm bẩy mươi sáu
Dấu bèo trôi đâu
Vốn không đi, đến
Ứng duyên gì đâu.

Bài số 268 :

一 手 拍 兮 一 手 鼓
Nhất thủ phách hề nhất thủ cổ
無 位 真 人 出 格 舞
Vô vị chân nhân xuất cách vũ
口 中 唱 出 無 腔 歌
Khẩu trung xướng xuất vô xoang ca
三 千 諸 佛 同 一 母.
Tam thiên chư Phật đồng nhất mẫu .

斗 峰 道 覺
Đẩu Phong Đạo Giác

Dịch :

Một tiếng đánh hề, một tiếng trống

Vô Vị chân nhân, ra múa may
Trong miệng ca hát, một khúc hát
Ba ngàn Chư Phật, cùng mê thôi.

Chú thích : Vô Vị chân nhân = chữ của tông Lâm Tế chỉ tự tánh.

Bài số 269 :

世	事	忽	如	夢
Thế	sự	hốt	như	mộng
人	情	空	若	雲
Nhân	tình	không	nhược	vân
誰	知	塵	世	裏
Thuỳ	tri	trần	thế	lý
心	靜	即	離	群.
Tâm	tĩnh	tức	ly	quần.

憨 山 德 清
Hàm Sơn Đức Thanh

Dịch :

Chuyện đời bỗng như mộng
Tình người như là mây
Ai biết bụi trần thế
Tâm lặng lìa người đây.

Bài số 270 :

春 深 雨 過 落 花 飛
Xuân thâm vũ quá lạc hoa phi
冉 冉 天 香 上 衲 衣
Nhiễm nhiễm thiên hương thượng nạp y
一 片 閒 心 無 處 著
Nhất phiến nhàn tâm vô xứ trứ
峰 頂 倚 杖 看 雲 歸.
Phong đỉnh ỷ trượng khán vân quy .

憨 山 德 清
Hàm Sơn Đức Thanh

Dịch :

Xuân thâm, mưa qua, hoa rơi rụng
Dần dần hương trời, thấm vào y
Một phiến tâm nhàn, không chỗ rõ
Chống gậy đỉnh núi xem mây đi.

Bài số 271 :

世 界 光 如 水 月
Thế giới quang như thuỷ nguyệt
身 心 皎 若 琉 璃
Thân tâm giảo nhược lưu ly
但 見 冰 消 澗 底
Đản kiến băng tiêu giản để
不 知 春 上 花 枝.
Bất tri Xuân thượng hoa chi .

憨 山 德 清

Hám Sơn Đức Thanh

Dịch :

Thế giới sáng như trăng trong nước
Thân tâm giao nhau như lưu ly
Như thấy băng tan nơi đáy suối
Đâu biết Xuân về cành hoa ni.

Bài số 272 :

雪	裏	梅	花	初	放
Tuyết	lý	mai	hoa	sơ	phóng
暗	香	深	夜	飛	來
Ám	hương	thâm	dạ	phi	lai
正	對	寒	鐙	獨	坐
Chánh	đối	hàn	đặng	độc	toạ
忽	將	鼻	孔	衝	開.
Hốt	tương	tỵ	khổng	xung	khai .

憨 山 德 清

Hàm Sơn Đức Thanh

Dịch :

Tuyết trong hoa mai rơi rụng
Hương thầm trong đêm bay bay
Đối mặt đèn lạnh ngồi lẻ
Lỗ mũi tưởng mở ra ngay.

Bài số 273 :

竹	林	瓦	枕	足	松	風
Trúc	lâm	ngoã	chẩm	túc	tùng	phong
午	睡	沉	酣	夢	想	空
Ngọ	thuỵ	trầm	hàm	mộng	tưởng	không
四	體	百	骸	俱	作	客
Tứ	thể	bách	hài	câu	tác	khách
不	知	誰	是	主	人	公.
Bất	tri	thuỳ	thị	chủ	nhân	công .

憨 山 德 清

Hàm Sơn Đức Thanh

Dịch :

Rừng trúc, gối gạch, gió thông thổi
Ngủ trưa mê mệt, miệng tưởng không
Bốn thể, trăm xương đều làm khách
Không biết ai là chủ nhân công.

Bài số 274 :

空	山	寂	寂	絕	諸	緣
Không	sơn	tịch	tịch	tuyệt	chư	duyên
不	學	諸	方	五	味	禪
Bất	học	chư	phương	ngũ	vị	thiền
參	者	不	須	向	上	求
Sâm	giả	bất	tu	hướng	thượng	cầu

但 能 放 下 自 天 然.
Đản năng phóng hạ tự thiên nhiên.

憨 山 德 清
Hám Sơn Đức Thanh

Dịch :

Núi không lẳng lặng hết mọi duyên
Chẳng học chư phương ngũ vị thiền
Người tham chẳng hướng trên cầu lạnh
Bỏ hết cả xuống mặc tự nhiên.

Chú thích : Ngũ vị = mặn, nồng, chua, cay, ngọt.

Bài số 275 :

水 上 蓮 花 舌 上 經
Thuỷ thượng liên hoa thiệt thượng kinh
一 庵 深 鎖 萬 峰 青
Nhất am thâm toả vạn phong thanh
松 風 日 月 常 宣 說
Tùng phong nhật nguyệt thường tuyên thuyết
可 惜 時 人 不 解 聽.
Khả tích thời nhân bất giải thính.

憨 山 德 清
Hám Sơn Đức Thanh

Dịch :

Hoa sen trên nước, miệng đọc kinh

Một am tiêu diệt, vạn âm thanh
Gió tùng, trăng sáng thường hay nói
Đáng tiếc người đời, chẳng giải thanh.

Bài số 276 :

死	盡	偷	心	活	計
Tử	tận	thâu	tâm	hoạt	kế
做	成	沒	用	生	涯
Tố	thành	một	dụng	sanh	nhai
收	拾	無	窮	妄	想
Thu	thập	vô	cùng	vọng	tưởng
換	將	一	朵	蓮	花.
Hoán	tương	nhất	đoá	liên	hoa .

憨 山 德 清
Hám Sơn Đức Thanh

Dịch :

Tâm, thân cho biết kế giỏi
Làm thành vô dụng sinh nhai
Thâu thập vô cùng vọng tưởng
Đổi thành một đóa sen thôi.

Bài số 277 :

腳	底	踏	遍	水	雲	鄉
Giác	để	đạp	biên	thuỷ	vân	hương

未 離 清 涼 古 道 場
Vị ly thanh lương cổ đạo trường
筋 力 漸 衰 心 已 倦
Trợ lực tiệm suy tâm dĩ quyện
安 眠 飽 食 是 行 藏.
An miên bão thực thị hành tạng .

憨 山 德 清
Hám Sơn Đức Thanh

Dịch :

Gót chân dẫm khắp Thủy Vân hương
Chưa là Thanh Hương, cổ đạo tràng
Trợ lực, chậm suy, tâm đã chán
Ăn no, ngủ kỹ, là chủ trương.

Bài số 278 :

天 邊 鳥 去 不 送
Thiên biên điểu khứ bất tống
溪 上 雲 來 便 看
Khê thượng vân lai tiện khán
寓 世 豈 存 形 跡
Ngụ thế khởi tồn hình tích
見 人 何 必 衣 冠.
Kiến nhân hà tất y quán.

法 杲

Pháp Cảo

Dịch :

Góc trời chim bay, không tiễn
Trên suối mây lại, nhìn xem
Ở đời há giữ hình ảnh
Gặp người hà tất lèm bèng.

Bài số 279 :

無	始	劫	來	只	這	個
Vô	thuỷ	kiếp	lai	chỉ	giá	cá
今	日	依	然	又	這	個
Kim	nhật	y	nhiên	hựu	giá	cá
復	將	這	個	了	那	個
Phục	tương	giá	cá	liễu	na	cá
這	個	那	個	同	安	樂.
Giá	cá	na	cá	đồng	an	lạc .

無 明 慧 經
Vô Minh Huệ Kinh

Dịch :

Vô hạn kiếp rồi, chỉ cái này
Ngày nay y nhiên lại cái này
Tưởng đem cái này diệt cái đó
Cái này, cái đó cùng vui vầy.

Bài số 280 :

一	池	蛙	鼓	鬧	填	填
Nhất	trì	oa	cổ	náo	điền	điền
歷	歷	明	明	道	口	邊
Lịch	lịch	minh	minh	đạo	khẩu	biên
報	道	五	湖	林	下	客
Báo	đạo	Ngũ	hồ	lâm	hạ	khách
從	今	不	必	競	談	禪.
Tòng	kim	bất	tất	cạnh	đàm	thiền .

浮 石 通 賢

Phù Thạch Thông Hiền

Dịch :

Một cái ao, vang lên tiếng ếch
Rõ rõ, ràng ràng ngoài miệng thôi
Báo cho khách ở Ngũ hồ ấy
Từ nay bất tất luận thiền lời.

Bài số 281 :

如	今	無	處	覓	深	山
Như	kim	vô	xứ	mịch	thâm	sơn
但	得	心	閒	即	閉	關
Đản	đắc	tâm	nhàn	tức	bế	quan
吳	越	不	分	煙	水	路
Ngô	Việt	bất	phân	yên	thuỷ	lộ
醉	人	秋	色	月	初	圓.
Tuý	nhân	Thu	sắc	nguyệt	sơ	viên .

箬 庵 通 問

Nhược Am Thông Vấn

Dịch :

Như nay không chỗ tìm non thẳm
Đóng cửa khi đã được tâm nhàn
Ngô, Việt chẳng phân, đường sương khói
Người say sắc trăng Thu tròn, vàng.

Bài số 282 :

春	回	幽	谷	見	梅	新
Xuân	hồi	u	cốc	kiến	mai	tân
雪	水	煎	茶	樂	不	勝
Tuyết	thuỷ	tiên	trà	lạc	bất	thắng
誰	道	夜	深	年	是	盡
Thuỳ	đạo	dạ	thâm	niên	thị	tận
曉	來	依	舊	日	東	昇.
Hiểu	lai	y	cựu	nhật	Đông	thăng.

山 茨 通 際

Sơn Tỳ Thông Tế

Dịch :

Xuân về cốc tối thấy mai mới
Lấy tuyết nấu trà, vui không cùng
Ai nói đêm thâu năm đã hết
Sáng lại, như cũ trời mọc Đông.

Bài số 283 :

白 雲 與 我 最 相 知
Bạch vân dữ ngã tối tương tri
我 住 山 時 他 亦 隨
Ngã trụ sơn thời tha diệc tuỳ
侵 早 和 峰 辭 嶂 外
Xâm tảo hoà phong từ chướng ngoại
晚 來 依 舊 護 柴 扉.
Vãn lai y cựu hộ sài phi .

湛 然 圓 澄
Trạm Nhiên Viên Trừng

Dịch :

Mây trắng với tôi rất quen biết
Tôi sống ở núi, nó theo đuôi
Sớm, xâm phạm núi trừ chướng ngại
Chiều, như cũ giúp cửa gỗ thôi.

Bài số 284 :

盡 道 拭 瘡 疣 故 紙
Tận đạo thức sang vưu cố chỉ
是 非 今 古 數 如 麻
Thị phi kim cổ số như ma
果 然 拭 得 瘡 疣 否
Quả nhiên thức đắc sang vưu bỉ
一 一 從 頭 要 驗 他.

Nhất nhất tòng đầu yêu nghiệm tha .

呆 翁 行 悅

Ngốc Ông Hành Duyệt

Dịch :

Tận sức giấy cũ lau mụn, bướu
Thị, phi, kim cổ giống như gai
Quả nhiên không lau được mụn bướu
Từ đầu là phải kinh nghiệm thôi.

Bài số 285 :

猙	獰	頭	角	恣	咆	哮
Tranh	ninh	đầu	giác	tứ	bào	hao
奔	走	溪	山	路	轉	遙
Bôn	tẩu	khê	sơn	lộ	chuyển	dao
一	片	黑	雲	橫	谷	口
Nhất	phiến	hắc	vân	hoành	cốc	khẩu
誰	知	步	步	犯	家	苗.
Thuỳ	tri	bộ	bộ	phạm	gia	miêu.

普 明

Phổ Minh

Dịch :

Đầu sừng phóng túng hung dữ lắm
Chạy khắp sơn khê, đường càng xa
Một phiến mây xám ngang miệng cốc
Ai biết bước bước dẫm mạ nhà.

Bài số 286 :

我	有	芒	繩	驀	鼻	穿
Ngã	hữu	mang	thằng	mạch	tỵ	xuyên
一	迴	奔	馳	痛	加	鞭
Nhất	hồi	bôn	trì	thống	gia	tiên
從	來	劣	性	難	調	適
Tùng	lai	liệt	tính	nan	điều	thích
猶	得	山	童	盡	力	牽.
Do	đắc	sơn	đồng	tận	lực	khiên.

普　明

Phổ Minh

Dịch :

Tôi có dây thừng xỏ lỗ mũi
Một hồi rong ruổi, đau vì roi
Tới nay yếu đuối khó điều chỉnh
Do được trẻ núi hết sức coi.

Bài số 287 :

漸	調	漸	伏	息	奔	馳
Tiệm	điều	tiệm	phục	tức	bôn	trì
渡	水	穿	雲	步	步	隨
Độ	thuỷ	xuyên	vân	bộ	bộ	tuỳ
手	把	芒	繩	無	少	緩
Thủ	bả	mang	thằng	vô	thiểu	hoãn

牧 童 終 日 自 忘 疲.
Mục đồng chung nhật tự vong bì .

普 明
Phổ Minh

Dịch :

Chầm chậm điều phục ngưng gia tốc
Xuyên mây, qua sông, bước theo về
Tay nắm dây thừng không trì hoãn
Mục đồng cả ngày không chán chê.

Bài số 288 :

日 久 功 深 始 轉 頭
Nhật cửu công thâm thuỷ chuyển đầu
癲 狂 心 力 漸 調 柔
Điên cuồng tâm lực tiệm điều nhu
山 童 未 肯 全 相 許
Sơn đồng vị khẳng toàn tương hứa
猶 把 芒 繩 且 繫 留.
Do bả mang thằng thả hệ lưu .

普 明
Phổ Minh

Dịch :

Lâu ngày công sâu quay đầu lại
Tâm lực điên cuồng, dần dịu thôi
Trẻ núi chưa chịu toàn lòng hứa

Do nắm dây thừng trói lại rồi.

Bài số 289 :

綠	楊	蔭	下	古	溪	邊
Lục	dương	âm	hạ	cổ	khê	biên
放	去	收	來	得	自	然
Phóng	khứ	thu	lai	đắc	tự	nhiên
日	暮	碧	雲	芳	草	地
Nhật	mộ	bích	vân	phương	thảo	địa
牧	童	歸	去	不	須	牽.
Mục	đồng	quy	khứ	bất	tu	khiên.

普　明

Phổ Minh

Dịch :

Bóng Dương xanh mát, bên suối cổ
Phóng ra, thu lại, tự nhiên rồi
Sáng chiều, mây xanh, đất thơm cỏ
Mục đồng trở về không cần coi.

Bài số 290 :

露	地	安	眠	意	自	如
Lộ	địa	an	miên	ý	tự	như
不	勞	鞭	策	永	無	拘

Bất	lao	tiên	sách	vĩnh	vô	câu
山	童	穩	坐	青	山	下
Sơn	đồng	ổn	toạ	thanh	sơn	hạ
一	曲	昇	平	樂	有	餘.
Nhất	khúc	thăng	bình	lạc	hữu	dư .

普　明
Phổ　Minh

Dịch :

Đường sương, an giấc ý như vậy
Chẳng nhọc ra roi ràng buộc ư
Trẻ núi ngồi yên trên đá núi
Một khúc thăng bình vui có dư.

Bài số 291 :

柳	岸	春	波	夕	照	中
Liễu	ngạn	Xuân	ba	tịch	chiếu	trung
淡	煙	芳	草	綠	茸	茸
Đạm	yên	phương	thảo	lục	nhung	nhung
飢	食	渴	飲	隨	時	過
Cơ	thực	khát	ẩm	tuỳ	thời	quá
石	上	山	童	睡	正	濃.
Thạch	thượng	sơn	đồng	thuỵ	chánh	nùng.

普　明
Phổ　Minh

Dịch :

Bờ liễu, sóng Xuân, ánh chiều rọi
Khói nhạt cỏ thơm mơn mởn xanh
Đói ăn, khát uống, tùy theo lúc
Trên đá, trẻ núi đang giấc nồng.

Bài số 292 :

白	牛	常	在	白	雲	中
Bạch	ngưu	thường	tại	bạch	vân	trung
人	自	無	心	牛	亦	同
Nhân	tự	vô	tâm	ngưu	diệc	đồng
月	透	白	雲	雲	影	白
Nguyệt	thấu	bạch	vân	vân	ảnh	bạch
白	雲	明	月	任	西	東.
Bạch	vân	minh	nguyệt	nhậm	Tây	Đông.

普　明
Phổ Minh

Dịch :

Trâu trắng thường trong đám mây trắng
Người tự vô tâm, trâu cũng đồng
Trăng xuyên mây trắng, mây trắng xóa
Mây trắng, trăng sáng mặc Tây, Đông.

Bài số 293 :

牛	兒	無	處	牧	童	閒
Ngưu	nhi	vô	xứ	mục	đồng	nhàn

一	片	孤	雲	碧	嶂	間
Nhất	phiến	cô	vân	bích	chướng	gian
拍	手	高	歌	明	月	下
Phách	thủ	cao	ca	minh	nguyệt	hạ
歸	來	猶	有	一	重	關.
Quy	lai	do	hữu	nhất	trùng	quan

普　明

Phổ　Minh

Dịch :

Mục tử nhàn, con trâu tự tại,
Một phiến mây lẻ, ngọn núi cao
Vỗ tay, ca lớn, dưới trăng sáng
Trở về còn có, nhiều cửa nao.

Bài số 294 :

人	牛	不	見	杳	無	蹤
Nhân	ngưu	bất	kiến	yểu	vô	tung
明	月	光	寒	萬	象	空
Minh	nguyệt	quang	hàn	vạn	tượng	không
若	問	其	中	端	的	意
Nhược	vấn	kỳ	trung	đoan	đích	ý
野	花	芳	草	自	叢	叢.
Dã	hoa	phương	thảo	tự	tùng	tùng .

普　明

Phổ Minh

Dịch :

Người, trâu không thấy, tới không trung
Ánh trăng sáng lạnh, vạn tượng không
Nếu hỏi duyên cớ ý trong đó
Hoa hoang, cỏ thơm mọc thành rừng.

Bài số 295 :

我	有	神	珠	一	顆
Ngã	hữu	thần	châu	nhất	khoả
久	被	塵	勞	關	鎖
Cửu	bị	trần	lao	quan	toả
今	朝	塵	盡	光	生
Kim	triêu	trần	tận	quang	sanh
照	破	山	河	萬	朵.
Chiếu	phá	sơn	hà	vạn	đoá .

茶 陵 郁 山 主
Trà Lăng Úc Sơn Chủ

Dịch :

Tôi có thần châu một hạt
Lâu bị bụi trần che lấp
Sáng nay bụi hết, chói chan
Chiếu phá sơn hà vạn đóa.

Bài số 296 :

簷	頭	雨	滴
Diêm	đầu	vũ	trích
分	明	瀝	瀝
Phân	minh	lịch	lịch
打	破	乾	坤
Đả	phá	càn	khôn
當	下	心	息.
Đương	hạ	tâm	tức .

無 名 僧

Vô Danh Tăng

Dịch :

Giọt mưa đầu thềm
Phân minh rõ ràng
Đất trời bị phá
Lập tức tâm ngưng.

Bài số 297 :

諸	法	從	本	來
Chư	pháp	tùng	bổn	lai
常	自	寂	滅	相
Thường	tự	tịch	diệt	tương
春	至	百	花	開
Xuân	chí	bách	hoa	khai
黃	鶯	啼	柳	上.
Hoàng	oanh	đề	liễu	thượng.

無　名　僧
Vô　Danh Tăng

Dịch :

Vạn pháp vốn xưa nay
Thường có tướng tịch diệt
Xuân tới trăm hoa khai
Oanh vàng hót trên liễu.

Bài số 298 :

五	蘊	山	頭	一	段	空
Ngũ	uẩn	sơn	đầu	nhất	đoạn	không
同	門	出	入	不	相	逢
Đồng	môn	xuất	nhập	bất	tương	phùng
無	量	劫	來	賃	屋	住
Vô	lượng	kiếp	lai	nhẫm	ốc	trụ
到	頭	不	識	主	人	公.
Đáo	đầu	bất	thức	chủ	nhân	công .

無　名　老　宿
Vô　Danh　Lão　Túc

Dịch :

Năm uẩn ở núi, một đoạn không
Đồng môn ra vào, chẳng tương phùng
Vô lượng kiếp qua, mặc cư trú
Đến cùng, chẳng biết chủ nhân ông.

Bài số 299 :

風	捲	浮	雲	盡
Phong	quyển	phù	vân	tận
青	天	絕	點	埃
Thanh	thiên	tuyệt	điểm	ai
山	川	俱	在	目
Sơn	xuyên	câu	tại	mục
何	必	上	高	臺?
Hà	tất	thượng	cao	đài ?

葛 蘆 覃
Cát Lư Đàm

Dịch :

Gió cuốn hết mây nổi
Trời xanh không bụi nào
Núi sông đều trong mắt
Hà tất lên lầu cao.

Bài số 300 :

捨	筏	懷	兼	濟
Xả	phiệt	hoài	kiêm	tể
逢	耕	更	問	津
Phùng	canh	cánh	vấn	tân
卻	將	未	歸	意
Khước	tương	vị	quy	ý

說 與 欲 行 人.
Thuyết dữ dục hành nhân .

木 庵 瓊 首 座
Mộc Am Quỳnh Thủ Tọa

Dịch :

Bỏ bè qua sông, nhớ
Cầy ruộng hỏi bến đò
Không nghĩ sẽ về lại
Nói với người muốn đi.

Bài số 301 :

妄 想 元 來 本 是 真
Vọng tưởng nguyên lai bổn thị chân
除 時 又 起 一 重 塵
Trừ thời hựu khởi nhất trọng trần
言 思 動 靜 承 誰 力
Ngôn tư động tĩnh thừa thuỳ lực
仔 細 看 來 無 別 人.
Tử tế khán lai vô biệt nhân.

趙 文 儒
Triệu Văn Nho

Dịch :

Vọng tưởng nguyên lai vốn là chân
Tùy lúc lại khởi một niệm trần
Nói rằng động, tĩnh ai ra sức

Xem lại cho kỹ không biệt nhân.

Bài số 302 :

四	十	餘	年	寄	俗	塵
Tứ	thập	dư	niên	ký	tục	trần
如	今	卻	顯	個	中	尊
Như	kim	khước	hiển	cá	trung	tôn
簷	頭	一	夜	東	風	起
Thiềm	đầu	nhất	dạ	Đông	phong	khởi
吹	得	花	開	滿	樹	春.
Xuy	đắc	hoa	khai	mãn	thụ	Xuân.

獎 山 元 模

Tưởng Sơn Nguyên Mô

Dịch :

Hơn bốn mươi năm ở trần thế
Như nay không hiển một vị tôn
Hành lang một đêm gió Đông khởi
Thổi khiến hoa nở đầy cây Xuân.

Chú thích : Tôn = tiếng kính xưng người bề trên. Thí dụ : tôn sư.

Bài số 303 :

萬	紫	千	紅	總	是	春
Vạn	tử	thiên	hồng	tổng	thị	Xuân

何 須 饒 舌 問 東 君
Hà tu nhiêu thiệt vấn Đông quân
啞 人 得 夢 向 誰 說
Á nhân đắc mộng hướng thuỳ thuyết
豎 起 空 拳 指 白 雲.
Thụ khởi không quyền chỉ bạch vân .

坱 北 和 尚
Dưỡng Bắc hòa thượng

Dịch :

Vạn tím, ngàn hồng đều là Xuân
Sao phải nhiều lời hỏi Đông quân
Người câm nằm mộng hướng ai nói
Bé trai tay không chỉ Bạch vân.

Bài số 304 :

百 尺 竿 頭 罷 問 津
Bách xích can đầu bãi vấn tân
孤 峰 絕 頂 養 閒 身
Cô phong tuyệt đỉnh dưỡng nhàn thân
雖 然 破 屋 無 遮 蓋
Tuy nhiên phá ốc vô già cái
難 把 家 私 說 向 人.
Nan bả gia tư thuyết hướng nhân.

常 藏 王

Thường Tạng Vương

Dịch :

Đầu gậy trăm thước thôi hỏi đến
Núi lẻ, đỉnh không nuôi người nhàn
Tuy nhiên phá nhà không che nóc
Khó đem gia tư bảo thế nhân.

Bài số 305 :

簷	頭	滴	瀝	甚	分	明
Thiềm	đầu	trích	lịch	thậm	phân	minh
迷	己	眾	生	換	作	聲
Mê	kỷ	chúng	sinh	hoán	tác	thanh
我	亦	來	年	多	逐	物
Ngã	diệc	lai	niên	đa	trục	vật
春	宵	一	枕	夢	難	成.
Xuân	tiêu	nhất	chẩm	mộng	nan	thành.

可 上 座

Khả thượng tọa

Dịch :

Đầu thềm giọt nước rơi phân minh
Mình mê hoán đổi tiếng chúng sinh
Năm tới tôi cũng theo các vật
Xuân tiêu trên gối mộng khó thành.

Bài số 306 :

四 十 餘 年 不 住 功
Tứ thập dư niên bất trụ công
窮 來 窮 去 轉 無 蹤
Cùng lai cùng khứ chuyển vô tung
而 今 窮 道 無 依 倚
Nhi kim cùng đạo vô y ỷ
始 悔 從 前 錯 用 功.
Thuỷ hối tùng tiền thác dụng công.

無 念 深 有
Vô Niệm Thâm Hữu

Dịch :

Bốn mươi năm dư chẳng ngừng công
Cùng đến, cùng đi chuyển không tung
Như nay mà nói, không chỗ dựa
Hối hận lúc trước chẳng dụng công.

Bài số 307 :

三 十 餘 年 四 海 間
Tam thập dư niên tứ hải gian
親 師 擇 友 未 曾 閒
Thân sư trạch hữu vị tăng nhàn
今 朝 得 到 無 心 地
Kim triêu đắc đáo vô tâm địa
卻 被 無 心 趁 出 山.

Khước bị vô tâm sấn xuất sơn .

遲 道 者

Xiêm Đạo Giả

Dịch :

Ba mươi năm dư trong bốn bể
Thầy thân, bạn chọn, không lúc nhàn
Ngày nay tới cảnh tâm không chỗ
Không bị vô tâm đuổi khỏi non.

Bài số 308 :

暗	撒	驪	珠	成	瓦	礫
Ám	tán	ly	châu	thành	ngoã	lịch
閒	傾	鴆	毒	是	醍	醐
Nhàn	khuynh	trấm	độc	thị	đề	hồ
冤	將	恩	報	滅	胡	種
Oan	tương	ân	báo	diệt	hồ	chủng
舉	眼	無	親	真	丈	夫.
Cử	nhãn	vô	thân	chân	trượng	phu .

或 庵 體

Hoặc Am Thể

Dịch :

Trong tối hạt châu là gạch ngói
Nhàn nhã trấm độc là Đề hồ
Ân, oán cùng báo diệt chủng loại
Trơn mắt không thân, ấy trượng phu.

Chú thích : **Trấm** là tên một loại chim, lông có chất cực độc. Nhúng lông chim này vào ly rượu mà uống thì sẽ chết.

Đề hồ醍醐 = Một thứ mỡ sữa đông đặc, vị rất nồng đậm. Cho nên được nghe đạo thiết yếu gọi là "quán đính đề hồ" 灌頂醍醐 (chữ kinh Phật). Cũng dùng để ví dụ với trí tuệ của Phật pháp, tinh hoa của đạo Phật. (Trích Từ điển phổ thông)

Bài số 309 :

讀	經	未	罷	眼	如	醉
Độc	kinh	vị	bãi	nhãn	như	tuý
驅	遣	睡	魔	無	祕	方
Khu	khiển	thuỵ	ma	vô	bí	phương
山	堂	一	枕	眠	方	穩
Sơn	đường	nhất	chẩm	miên	phương	ổn
門	外	千	干	玉	送	涼.
Môn	ngoại	thiên	can	ngọc	tống	lương.

靈 谿 昱
Linh Khê Dục

Dịch :

Đọc kinh bằng mắt như say rượu
Trừ đi ma ngủ không bí phương
Nằm ngủ trên núi rất an ổn
Ngoài cửa ngàn gậy ngọc đưa hương.

Chú thích : chữ Bí ở đây có nghĩa là bí mật.

Bài số 310 :

四	海	明	山	曾	過	目
Tứ	hải	minh	sơn	tăng	quá	mục
就	中	此	境	難	圖	錄
Tựu	trung	thử	cảnh	nan	đồ	lục
山	前	向	見	白	頭	翁
Sơn	tiền	hướng	kiến	bạch	đầu	ông
自	道	一	生	看	不	足.
Tự	đạo	nhất	sinh	khán	bất	túc .

惟 一 潤

Duy Nhất Nhuận

Dịch :

Tăng Minh Sơn đã thăm bốn bể
Khó mà ghi nhận cái chuyện này
Trước núi lại gặp ông tóc bạc
Tự nhủ một đời đủ không đây.

Bài số 311 :

千	花	蕊	上	刺	香	時
Thiên	hoa	nhuỵ	thượng	si	hương	thời
百	草	頭	邊	得	意	歸
Bách	thảo	đầu	biên	đắc	ý	quy
一	竅	透	穿	通	活	路
Nhất	khiếu	thấu	xuyên	thông	hoạt	lộ
遊	行	無	礙	去	來	飛.

Du hành vô ngại khứ lai phi .

天 封 慈

Thiên Phong Từ

Dịch :

Trên nhụy ngàn hoa, tỏa hương ra
Ở đầu trăm cỏ, ý về nhà
Một khiếu thông suốt mọi sinh hoạt
Du hành vô ngại, đến, đi nha.